

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu vào ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 26 ngày 31/10/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 49/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

Website: <https://ibx.vn>

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Trụ sở chính: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (84-31) 6263333 Fax: (84-31) 3533679

Website: www.quangbinhjsc.com.vn;

Phụ trách công bố thông tin:

Bà Vũ Hồng Nhung

Chức vụ: Phó phòng Hành chính

Điện thoại: (84-31) 6263333

Fax: (84-31) 3533679

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu vào ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 26 ngày 31/10/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- ❖ Mã chứng khoán: QBS (sàn HOSE)
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng phát hành: 32.000.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị phát hành: 320.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
- ❖ Đối tượng phát hành:
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu 27.200.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 100:85
 - Phát hành thêm 4.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 100:15 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 15%)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐẤT VIỆT

Trụ sở chính: Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 39105401 Fax: (84-8) 39105402

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	9
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	11
5. Rủi ro pha loãng.....	14
6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc quy mô vốn của công ty tăng nhanh dự kiến từ 320 tỷ đồng lên 640 tỷ đồng năm 2015– 2016.....	16
7. Rủi ro khác.....	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	18
1. Tổ chức phát hành.....	18
2. Tổ chức tư vấn.....	18
III. CÁC KHÁI NIỆM	19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	20
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
2. Cơ cấu tổ chức của công ty.....	22
3. Bộ máy quản lý của Công ty.....	24
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.	27
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	29
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	30
7. Hoạt động kinh doanh.....	31
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	48
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	50
10. Chính sách đối với người lao động.....	54
11. Chính sách cổ tức.....	56

12.	Tình hình tài chính	56
13.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	64
14.	Tài sản.....	77
15.	Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo	78
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	80
17.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	80
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	80
V.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	81
1.	Loại cổ phiếu.....	81
2.	Mệnh giá	81
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	81
4.	Giá chào bán dự kiến.....	81
5.	Phương pháp tính giá.....	81
6.	Phương thức phân phối.....	82
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	84
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	85
9.	Phương thức thực hiện quyền	86
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	86
11.	Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng.....	86
12.	Các loại thuế có liên quan.....	86
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	87
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	88
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	95
1.	Tổng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu	96
2.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	97
3.	Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	97
4.	Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến: 99	
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	100
1.	Tổ chức kiểm toán.....	100

2.	Tổ chức tư vấn.....	100
IX.	PHỤ LỤC.....	101

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

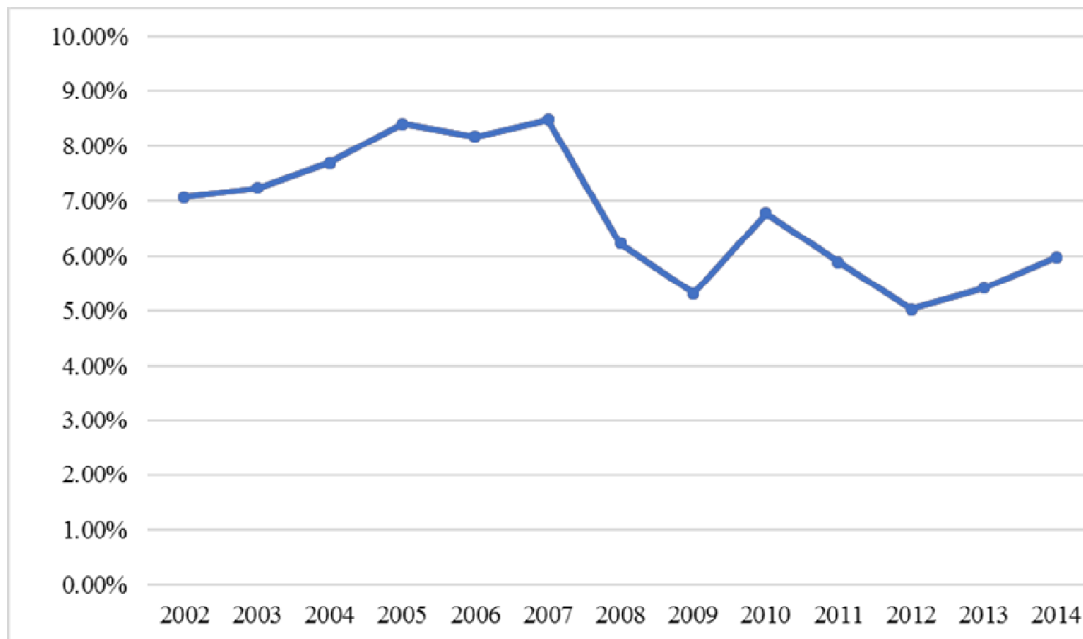
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 – 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2014 và quý II/2015 đã khả quan hơn so với 2013. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2014 đạt 5,98%, cao hơn mục tiêu là 5,8% của Quốc hội đưa ra, kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%, những con số trên cho thấy dấu hiệu tích cực của nền

kinh tế. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố quan trọng giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình nói riêng.

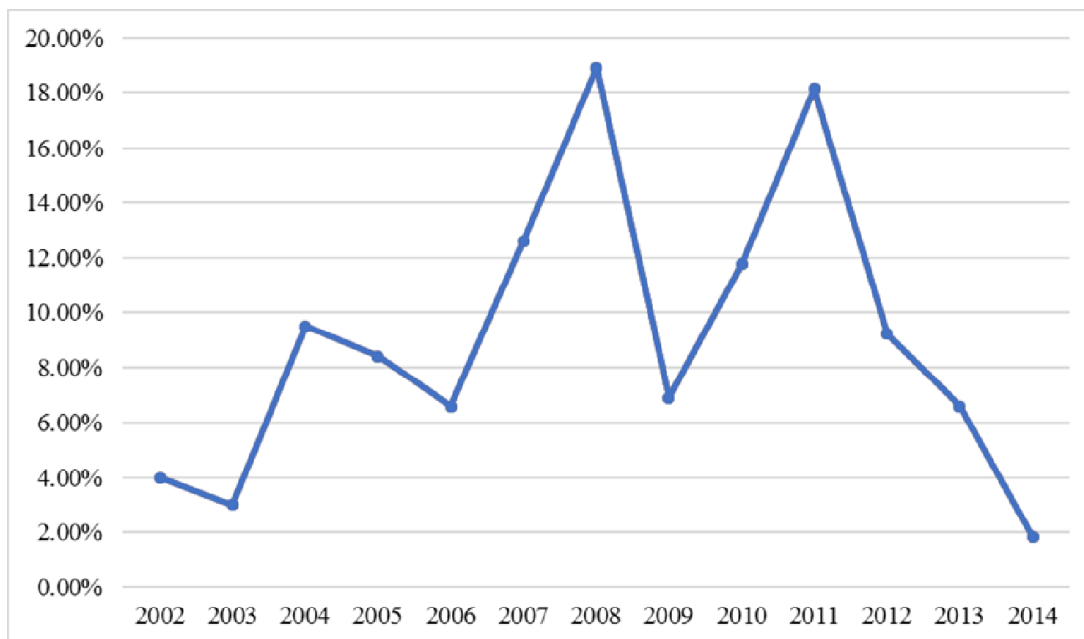
Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2015 được dự báo tốt do tiêu dùng phục hồi nhờ lạm phát thấp trong năm 2014 sẽ giúp cải thiện sức mua, đầu tư tư nhân cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn với triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP quý II/2015 ước đạt 6,28% cao hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2014. Đây là mức tăng kỷ lục tính từ năm 2009. Xu hướng này sẽ tiếp tục trong các quý tiếp theo và mục tiêu tăng trưởng 6,2% cả năm 2015.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã đưa ra chiến lược kinh doanh nhằm tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời nâng cao năng lực quản trị, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty, cũng như hạn chế bớt những tác động của rủi ro kinh tế.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần kim hãm được đà tăng của lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2002 – 2014 cụ thể như sau:

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 2002 - 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn 2002 – 2014, tỷ lệ lạm phát qua các năm luôn không ổn định. Diễn hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2002-2014 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Với các chính sách điều hành sát sao của Chính phủ theo định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ - tài khóa đã kiểm soát được lạm phát, đưa mức lạm phát về mức 9,21% trong năm 2012, 6,60% trong năm 2013 đặc biệt lạm phát giảm chỉ còn 1,84% năm 2014. Mức lạm phát thấp nhất trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, lạm phát cơ bản trong tháng 3/2015 mặc dù tăng nhẹ lên mức 2,48% nhưng vẫn duy trì ở mức dưới 3% từ tháng 11/2014 và dự báo lạm phát cơ bản năm 2015 khoảng 3,5%.

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, thương mại như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

1.3 Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2014 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4 Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, Công ty chịu rủi ro lớn về biến động tỷ giá. Tuy nhiên, nhờ chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là nhiều tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng, Công ty xây dựng cơ chế thống nhất về việc ổn định giá cả với khách hàng, nhằm giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, giá cả hàng hóa đến tình hình lợi nhuận, doanh thu của tất cả các bên, đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định đồng thời hạn chế được rủi ro cạnh tranh.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, hoạt động của Công ty cũng chịu tác động lớn từ các quy định đặc thù liên quan đến ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, xuất nhập khẩu như Luật thương mại, Luật cạnh tranh và các quy định khác liên quan đến hoạt động thương mại, quản lý sản xuất phân bón, hóa chất.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón

Hiện nay tình trạng dư thừa nguồn cung của thị trường thế giới do các nước mở rộng nhà máy sản xuất đang tạo áp lực giảm giá đối với các sản phẩm phân bón nói chung. Theo Ngân hàng thế giới (WB), việc giá khí thiên nhiên tại Mỹ ở mức thấp đã gây tác động đến ngành công nghiệp phân bón trên toàn cầu. Nhiều công ty sản xuất phân bón trên thế giới đang chuyển nhà máy về Mỹ nhằm tận dụng lợi thế về giá khí thiên nhiên – nguồn nguyên liệu chính của một số loại phân bón.

Giá phân bón trong nước thời gian qua chưa có nhiều biến động và có xu hướng giảm theo giá thế giới, lượng hàng tiêu thụ thấp. Trung Quốc là nước chiếm tỷ trọng

lớn nhất trong kim ngạch nhập khẩu phân bón của Việt Nam. Thêm vào đó, Trung Quốc luôn luôn mở rộng quy mô sản xuất phân bón. Như vậy, sức ép cạnh tranh từ phân đạm nhập khẩu sẽ tiếp tục gia tăng và gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, Việt Nam với lợi thế là nước nông nghiệp với diện tích gieo trồng lớn, tiềm năng thị trường các nước lân cận (Lào, Campuchia, Myanmar...), triển vọng dài hạn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón vẫn khả quan, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm chất lượng cao cùng mạng lưới khách hàng ổn định như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Dưới góc độ cạnh tranh, hiện nay, thị trường phân bón trong nước được đánh giá là có mức độ cạnh tranh cao với trên 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ, hàng ngàn cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ. Bên cạnh đó việc hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng đang khiến không ít doanh nghiệp gặp phải khó khăn. Tuy nhiên, với kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực này, Ban lãnh đạo Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng ổn định, giao hàng đúng hạn, đảm bảo giá cả như cam kết, cùng với nhiều chính sách bán hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Mặt khác dưới góc độ là nhà sản xuất, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình luôn đưa ra các biện pháp nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, PR thương hiệu sản phẩm NPK Đình Vũ, chiếm lĩnh, giữ vững và liên tục gia tăng thị phần trên thị trường.

Dưới góc độ rủi ro nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất phân bón của Công ty, hiện nay Công ty mới chủ yếu sản xuất phân NPK trộn. Nguyên liệu chính đối với hoạt động này là các loại phân nguyên liệu chứa Đạm, Lân và Kali như phân DAP, Ure, Map, Sa,... Một điều thuận lợi cho hoạt động này tại Công ty, đó là các loại nguyên liệu đầu vào này hầu hết chính là các loại mặt hàng phân đạm mà Công ty đang trực tiếp mua bán thương mại hàng ngày, do đó Công ty có thể đảm bảo được hầu hết nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước, ký kết các hợp đồng giữ giá nhằm ổn định đầu vào, giảm tác động từ giá nguyên liệu tới hoạt động sản xuất của Công ty.

3.2 Rủi ro lĩnh vực thương mại

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là các tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng thương mại,

Công ty đã xây dựng cơ chế thống nhất về việc ổn định giá cả với khách hàng, nhằm giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, giá cả hàng hóa đến tình hình lợi nhuận, doanh thu của tất cả các bên, đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định đồng thời giảm được rủi ro cạnh tranh về giá cả trên thị trường. Mặt khác, trong vài năm trở lại đây, nhờ chính sách bán hàng linh động, chuyển hàng trực tiếp cho khách hàng từ kho của nhà cung cấp, Công ty đã giảm thiểu được các chi phí lưu kho và các chi phí quản lý có liên quan, hạn chế rủi ro giảm giá hàng tồn kho.

3.3 Rủi ro lĩnh vực kinh doanh hoá chất

Hoạt động chính của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh hóa chất là nhập khẩu và phân phối hóa chất cho thị trường Việt Nam. Theo đó, Công ty chịu những rủi ro chung liên quan đến biến động giá cả đầu vào, biến động tỷ giá,... Tương tự như lĩnh vực thương mại nêu trên, việc xây dựng cơ chế hợp tác, ổn định giá cả với khách hàng cùng với chính sách bán hàng linh động đã mang lại hiệu quả cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí, giảm thiểu cạnh tranh giá cả trên thị trường.

3.4 Rủi ro lĩnh vực dịch vụ

Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Ngày 25/3/2015, Nhà nước đã ban hành Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định về việc quản lý trong lĩnh vực hải quan. Theo đó, Nhà nước chủ trương thắt chặt các yêu cầu đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này nhằm hạn chế việc thành lập tràn lan các kho ngoại quan; qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực vững mạnh và định hướng phát triển rõ ràng. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể. Với tiềm lực tài chính bền vững và mối quan hệ chặt chẽ với địa phương, Công ty CP XNK Quảng Bình luôn đảm bảo bám sát các tiêu chuẩn, yêu cầu do các Bộ - Ban – Ngành đề ra; mặt khác duy trì hệ thống khách hàng ổn định, giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trên thị trường.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình dự kiến chào bán thêm 27.200.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:85 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành thêm 4.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức

năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 100:15 (tương ứng tỷ lệ trả cổ tức 15%). Giá giao dịch của cổ phiếu QBS trên thị trường bình quân trong 40 phiên gần nhất tính đến thời điểm 10/08/2015 là 10.895 đồng/cổ phiếu. Như vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến ổn định và phục hồi trong thời gian tới thì Công ty sẽ hạn chế được rủi ro do cổ đông từ chối thực hiện quyền mua.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên HOSE và tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty tương đối tốt. Tuy nhiên, trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống, có khả năng giá cổ phiếu QBS sẽ xuống dưới vùng giá này khiến các cổ đông có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Trong trường hợp đó, ĐHCĐ Công ty đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty được quyền xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian chào bán nếu thấy cần thiết.

Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty như sau:

Bảng 01: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

TT	Nội dung	Lấy từ số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ đồng)	Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 (tỷ đồng)	Cộng
1	Thanh toán vốn vay đã sử dụng vào việc mua cổ phiếu của CTCP DAP - VINACHEM	50	0	50
2	Đầu tư mua bán sáp nhập các công ty phân bón hoá chất cùng ngành	50	0	50

3	Đầu tư vào Nhà máy NPK	100	0	100
4	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	72	48	120
Tổng cộng		272	48	320

- Rủi ro đối với kế hoạch sử dụng 50 tỷ đồng vào việc thanh toán vốn vay mua cổ phiếu của CTCP DAP – VINACHEM: Hiện Công ty đang là cổ đông chiến lược của CTCP DAP-VINACHEM (tiền thân là Công ty TNHH MTV DAP-VINACHEM thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, được cổ phần hóa vào ngày 26/12/2014). Công ty sở hữu : 21.916.485 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ. Công ty có sử dụng một phần nguồn vốn vay để đầu tư vào số cổ phiếu này. Việc sử dụng 50 tỷ đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán một phần khoản vay này nhằm mục đích giúp Công ty giảm bớt rủi ro vay nợ, giảm chi phí lãi vay, góp phần tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Rủi ro đối với kế hoạch sử dụng 50 tỷ đồng vào việc đầu tư mua bán sáp nhập các công ty phân bón hoá chất cùng ngành: Thực hiện theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, sau khi xem xét, đàm phán và phân tích kỹ các công ty phân bón hóa chất cùng ngành, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy đối tác DAP-VINACHEM vẫn là đối tác chiến lược uy tín, đã và đang có sự hỗ trợ rất tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, HĐQT Công ty quyết định tiếp tục đầu tư 50 tỷ đồng mua thêm cổ phần của CTCP DAP-VINACHEM và tiến hành ký biên bản ghi nhớ về việc mua cổ phần với người bán. Về vấn đề này, Công ty có thể phải đối mặt với các rủi ro sau đây:
 - Người bán sau này thay đổi quan điểm không bán cổ phần theo biên bản ghi nhớ đã được ký kết.
 - Giá trị cổ phiếu của công ty được mua giảm hoặc thanh khoản thấp dẫn đến rủi ro trong việc thoái vốn sau này.
- Rủi ro đối với kế hoạch sử dụng 100 tỷ đồng vào việc đầu tư vào Nhà máy NPK: Nhà máy NPK của Công ty được đặt tại Xóm 6, Cống Chanh, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng với diện tích khoảng 5ha. Theo đề án xây dựng nhà máy, Công ty sẽ sử dụng 100 tỷ đồng để đầu tư vào hệ thống tài sản cố định (bao gồm dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, văn phòng, phương tiện vận

tải,...). Hiện tại Công ty đã đầu tư khoảng 72 tỷ đồng với kết quả là hoàn thiện và vận hành thành công dây chuyền sản xuất phân bón NPK 1 với công suất khoảng 30.000 tấn/năm. Do khoản đầu tư này đang được tài trợ bởi các nguồn vốn huy động ngắn hạn, nên để giảm bớt rủi ro thanh khoản, Công ty dự kiến sẽ sử dụng số tiền 100 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán để trả các khoản nợ vay đã đầu tư vào dây chuyền NPK 1 nói trên (72 tỷ đồng) và tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất phân bón NPK 2 để mở rộng nhà máy với số tiền là 28 tỷ đồng. Dây chuyền này sau khi hoàn thiện và vận hành dự kiến đạt công suất 50.000 tấn/năm, đưa tổng công suất cả nhà máy lên khoảng 80.000 tấn/năm. Tuy nhiên, dự án này có thể có những rủi ro sau đây:

- Quá trình đầu tư dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị có thể bị kéo dài do thủ tục hành chính, quy định chuyên ngành dẫn tới việc chậm đưa vào vận hành, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Quá trình chạy thử, vận hành sau này của dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị có thể bị hỏng hóc do lỗi sản phẩm, hoặc do việc thích ứng với điều kiện khí hậu, thời tiết, môi trường đặc thù của Nhà máy, kéo theo những thiệt hại về tài chính và ảnh hưởng tới sản lượng theo kế hoạch của Công ty.
- Nguồn nguyên vật liệu đầu vào hoặc khâu tiêu thụ sản phẩm có thể không đạt được như kế hoạch, kéo theo rủi ro về việc dây chuyền sản xuất không chạy hết công suất, ảnh hưởng tới kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Rủi ro đối với kế hoạch sử dụng tiền để bổ sung nguồn vốn lưu động sau khi tăng vốn: Công ty có thể gặp rủi ro về việc cân đối nguồn lực tài chính trong trường hợp sử dụng vốn không đúng mục đích. Để khắc phục tình trạng đó, HĐQT Công ty đã xây dựng kế hoạch giám sát chặt chẽ nguồn vốn và mục đích sử dụng vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share) và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, (ii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iii) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

(i) Về EPS và giá trị sổ sách

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

- Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS:

	Lợi nhuận sau thuế TNDN
▪ Công thức tính: EPS (cơ bản) =	
	Số lượng cổ phần đang lưu hành
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành của QBS (1):	32.000.000
▪ Số lượng cổ phần phát hành thêm của QBS (2):	32.000.000
▪ Tỷ lệ số cổ phần phát hành thêm/số cổ phần đang lưu hành :	100%
▪ Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến (3)=(1)+(2):	64.000.000
▪ Số lượng cổ phần lưu hành bình quân năm 2015: (4)={1) + (3)}/2	48.000.000
▪ Lợi nhuận sau thuế năm 2015 dự kiến (đồng) (5):	80.000.000.000
▪ EPS trước khi chào bán (6)=(5)/(1):	2.500 đồng/cổ phiếu
▪ EPS sau khi chào bán (7)=(5)/(4):	1.666 đồng/cổ phiếu

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Công thức tính:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} &= \frac{\text{Tổng TS} - \text{Nợ phải trả} - \text{TS vô hình}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{418.178.459.462}{32.000.000} \\ &= 13.068 \text{ (đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

Tại thời điểm 31/12/2014, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 13.068 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

(ii) Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

(iii) Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, giá thị trường của cổ phiếu QBS sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = [PR_{t-1} + (I1 \times PR1) + (I2 \times PR2)] / (1 + I1 + I2) = [13.000 + (0,85 \times 10.000) + (0,15 \times 0)] / (1 + 0,85 + 0,15) = 10.750 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.
- PR_{t-1} : 13.000 đồng/cổ phiếu (Giá giả định của QBS tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền).
- I1: là tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu (I1 = 0,85)
- PR1: 10.000 đồng/cổ phiếu (giá chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).
- I2: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức (I2 = 0,15)
- PR2: 0 đồng/cổ phiếu (giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu)

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc quy mô vốn của công ty tăng nhanh dự kiến từ 320 tỷ đồng lên 640 tỷ đồng năm 2015 – 2016.**6.1 Rủi ro về quản trị Công ty**

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Nhưng do tỷ lệ thực hiện quyền cao (tỷ lệ 100:85) nên khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành và có thể phát sinh các xung đột lợi ích dẫn đến việc quản trị điều hành Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống. Việc tăng vốn lên gấp 2 lần từ 320 tỷ lên 640 tỷ đồng sẽ tạo nên những áp lực lớn hơn, đòi hỏi Công ty có thể phải điều chỉnh định hướng hoạt động và mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh để đem lại hiệu quả tương ứng với quy mô vốn mới. Khi đó, Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động do cơ chế quản lý cũ không theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Phương Thảo Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Ngọc Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Hồng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
QBS	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
XNK	Xuất nhập khẩu
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (CTCP XNK Quảng Bình) được thành lập đầu năm 2007 và có trụ sở tại số 23, lô 1, khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, mã số doanh nghiệp 0200730878, trên cơ sở tách ra từ Công ty cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

Đến đầu năm 2012, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Cũng trong thời gian này, Công ty đã mở thêm 01 văn phòng đại diện tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Chức năng nhiệm vụ của chi nhánh và văn phòng đại diện là trực tiếp thu mua hàng hóa nhập khẩu tại các khu vực cửa khẩu, trực tiếp thực hiện các thủ tục liên quan tới xuất khẩu hàng hóa, thực hiện dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và tái xuất khẩu tất cả các mặt hàng.

Từ cuối Quý II năm 2013, Công ty CP XNK Quảng Bình đưa nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, với dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu trực tiếp từ Cộng hòa liên bang Đức và Bỉ. Nhà máy sản xuất nhiều dòng sản phẩm không những phù hợp với nhu cầu trong nước mà còn đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đi các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu.

Trong những năm gần đây, Công ty đã mở rộng phạm vi hoạt động thông qua việc thành lập các văn phòng đại diện, chi nhánh tại một số tỉnh thành như: văn phòng đại diện tại Móng Cái (tháng 11/2012), Chi nhánh nhà máy NPK tại Thủy Nguyên (tháng 5/2013), chi nhánh Cao Bằng (tháng 5/2013), Chi nhánh Quảng Bình (tháng 10/2013)

Ngày 07 tháng 12 năm 2013, Công ty đưa vào hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu với diện tích trên 25.000 m² tại khu kinh tế cửa khẩu Tà

Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, tạo đòn bẩy thúc đẩy dịch vụ xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu hàng hóa.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Tên viết tắt: Quang Binh., Jsc

Tên tiếng Anh: QUANG BINH IMPORT AND EXPORT JSC

Trụ sở chính: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Giấy CNDKKD: 0200730878 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 31/10/2014

Vốn điều lệ: 320.000.000.000 đồng

Vốn thực góp: 320.000.000.000 đồng

Điện thoại: (84-31) 626 3333 **Fax:** (84-31) 353 3679

Website: www.quangbinhjsc.com.vn

Email: info@quangbinhjsc.com.vn

Logo:



Ngành nghề kinh doanh:

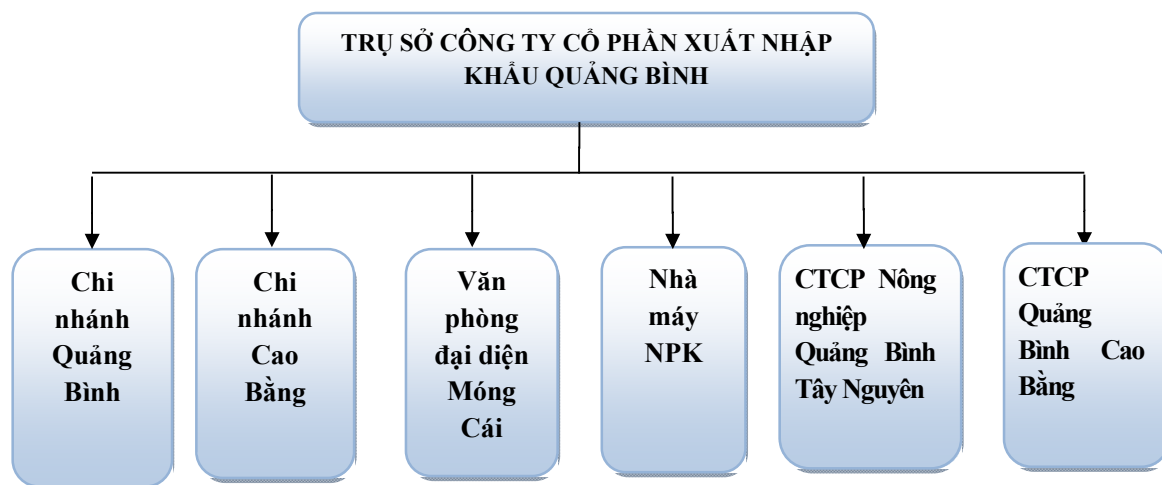
Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 31/10/2014, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá
- Bán buôn chuyên doanh: Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất phân bón và hợp chất Ni-tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn

hoa hồi khô, hoa hòe, quế khô, nấm. Bán buôn hạt vừng khô, hạt lạc, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, hạt đậu mắt đen, hạt dẻ cười.

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn gạo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán: Môi giới hợp đồng hàng hoá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);

2. Cơ cấu tổ chức của công ty



❖ Trụ sở Công ty

Trụ sở Công ty đặt tại Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng. Là nơi diễn ra các hoạt động chính của Công ty.

❖ Chi nhánh Cao Bằng

Chi nhánh Cao Bằng tại Lô 52A – Khu Kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng; đây là địa điểm kiểm tra tập kết hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cao Bằng.

❖ Văn phòng đại diện Móng Cái

Văn phòng đại diện Móng Cái tại số 30, khu Thượng Trung, phường Ninh Dương, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, có chức năng phối hợp với khối văn phòng Công ty và các bộ phận khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

❖ Chi nhánh Quảng Bình

Chi nhánh Quảng Bình được đặt tại Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; có chức năng phối hợp với khối văn phòng công

ty và các bộ phận khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

❖ **Nhà máy NPK**

Nhà máy NPK rộng trên 2 hecta, được đặt tại Xóm 6 Cống Chanh, huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng với công suất 55.000 tấn/năm, thực hiện việc sản xuất và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.

❖ **Công ty con:**

Công ty CP Nông nghiệp Quảng Bình Tây Nguyên

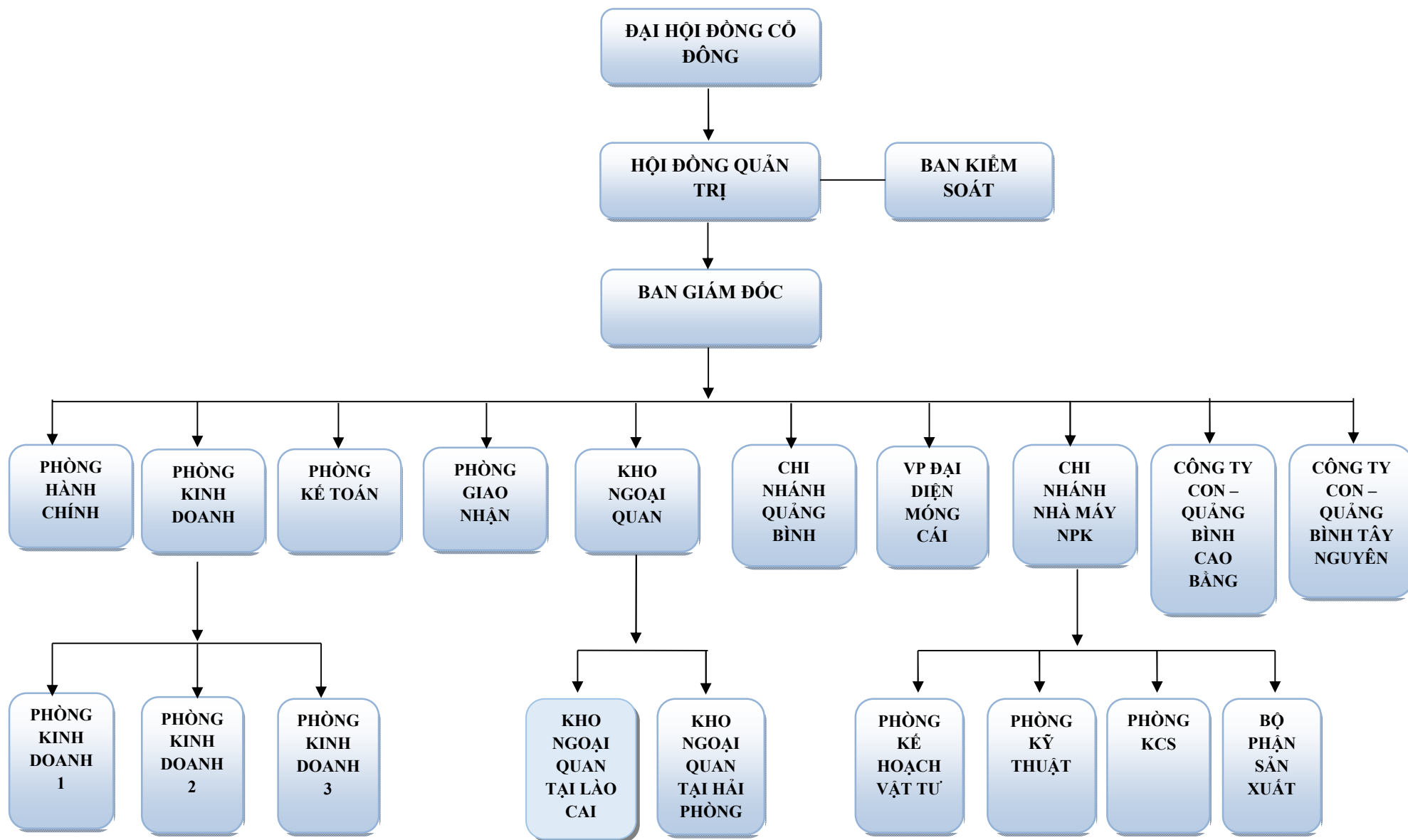
Địa chỉ tại Khu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, Huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam. Dự kiến thực hiện trồng cây cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng cây lâu năm; nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; chế biến mủ cao su sơ chế,...

Công ty con: Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng

Địa chỉ tại Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam. Lĩnh vực hoạt động: Bán buôn phân bón, hóa chất thông thường(trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, xuất nhập khẩu hàng hóa.

3. Bộ máy quản lý của Công ty

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Khoái	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Bùi Thị Ngọc	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Sĩ Thạc	-	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

Bà Đặng Thị Phương Thảo	-	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Hồng Nhung	-	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	-	Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Tổng Giám đốc gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật

3.5. Các phòng ban chức năng

- **Phòng giao nhận**

Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hoá của Công ty.

- **Phòng kinh doanh**

Phòng kinh doanh bao gồm:

- Phòng kinh doanh nội địa: Tìm kiếm khách hàng và ký kết các Hợp đồng đối với các khách hàng Nội địa;
- Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu: Chịu trách nhiệm toàn bộ công việc xuất nhập khẩu từ khâu làm Hợp đồng đến khâu cuối cùng;
- Phòng kinh doanh 3: Có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về các hoạt động kho bãi, các mặt hàng tạm nhập tái xuất; chịu trách nhiệm phát triển, quản lý khách hàng, các chính sách về tạm nhập tái xuất và kho Ngoại quan. Địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hoá xuất nhập khẩu với diện tích trên 25.000 m² tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phúc Hoà tỉnh Cao Bằng tạo đòn bẩy thúc đẩy dịch vụ xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu hàng hoá...

- **Kho ngoại quan**

Cung cấp dịch vụ cho thuê kho để tạm lưu giữ và bảo quản hàng hoá hoặc thực hiện một số dịch vụ đối với hàng hoá từ nước ngoài hoặc trong nước đưa vào kho theo hợp đồng cho thuê kho ngoại quan được ký giữa chủ kho ngoại quan và chủ hàng.

- **Phòng Kế toán**

Phòng tài chính kế toán thực hiện các chức năng:

- Quản lý lao động tiền lương;
- Tổ chức bộ máy kế toán; quản lý vốn và tài sản;
- Thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.

- **Phòng hành chính**

Tham mưu cho Ban Giám đốc về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy, xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ.

- **Chi nhánh Quảng Bình**

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

- **Chi nhánh Cao Bằng**

Chi nhánh đặt tại Tà Lùng - Cao Bằng: là địa điểm kiểm tra tập kết hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cao Bằng.

- **Văn phòng đại diện tại Móng Cái**

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

- **Chi nhánh – Nhà máy NPK**

Sản xuất và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh. Bao gồm các phòng ban:

- Phòng Kế hoạch Vật tư: Là phòng nghiệp vụ quản lý vật tư của Công ty, Tổ chức cung ứng vật tư chính. Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý, khai thác vật tư.
- Phòng KCS: thực hiện chức năng: phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy, đề xuất với ban lãnh đạo Công ty các vấn đề nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như tối ưu hóa hoạt động của nhà máy NPK.
- Bộ phận sản xuất: Phối hợp chặt chẽ với chi nhánh nhà máy NPK để dây chuyền sản xuất diễn ra thuận lợi, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào cho nhà máy và sản phẩm cho khách hàng của Công ty

4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.**

4.1. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:**

Bảng 02: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/03/2015

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Số 327, Đường 10, Phố Mới, Xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	4.200.000	13,125%

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
2	Nguyễn Thanh Bình	Số 327, Đường 10, Phố Mới, Xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	3.200.000	10%
Tổng cộng:			7.400.000	23,125%

(Nguồn: Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình gồm có:

Bảng 03: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/3/2015	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Số 327, đường 10, Phố Mới, Xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng		4.200.000	4.200.000.000	13,125%
2	Ông Nguyễn Văn Ngọ	Xóm Lang, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng		20.000	20.000.000	0,0625%
3	Ông Nguyễn Văn Khoái	Số 93, đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng		1.000.000	1.000.000.000	3,125%
Tổng cộng:				5.220.000	5.220.000.000	16,3125%

Cổ phiếu của cổ đông sáng lập chuyển nhượng có điều kiện trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty thành lập (ngày 12/03/2007). Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 12/03/2010. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 04: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 13/03/2015

	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn cổ phần (%)
1	Cổ đông tổ chức	13	3.559.940	11,12
	- Trong nước	12	3.546.940	11,08
	- Nước ngoài	1	13.000	0,04
2	Cổ đông cá nhân	1.723	28.440.060	88,875
	- Trong nước	1.722	28.438.860	88,871
	- Nước ngoài	1	1.200	0,004
TỔNG CỘNG		1.736	32.000.000	100%
<i>Trong đó: -Trong nước</i>		1.734	31.985.800	99,956%
<i>- Nước ngoài</i>		2	14.200	0,044%

5. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

5.1. Các Công ty mẹ

Không có

5.2. Các Công ty con

Công ty cổ phần Nông nghiệp Quảng Bình Tây Nguyên

- Tên: Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quảng Bình Tây Nguyên

- Địa chỉ: Khu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, Huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 6400308819 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp ngày 30/09/2014.
- Lĩnh vực hoạt động: trồng cây cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng cây lâu năm. Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chế biến mủ cao su sơ chế...
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VND
- Số cổ phần thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình: 65%

Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng

- Tên: Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng
- Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 4800883062 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cao bằng cấp ngày 07/11/2014.
- Lĩnh vực hoạt động: Bán buôn phân bón, hóa chất thông thường(trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 14.000.000.000 VND
- Số cổ phần thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình: 98%

5.3. Các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.4. Các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, mức vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000 đồng. Quá trình góp vốn của Công ty từ ngày 12/03/2007 như sau:

Bảng 05 : Quá trình góp vốn điều lệ

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
12/03/2007	-	1.000.000.000	3 cổ đông
Tháng 6/2010	3.800.000.000	4.800.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
Tháng 11/2010	5.100.000.000	9.900.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
Tháng 6/2011	10.100.000.000	20.000.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
Tháng 01/2012	36.000.000.000	56.000.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
Tháng 4/2014	264.000.000.000	320.000.000.000	20 cổ đông

Như vậy, đến tháng 4/2014 mức vốn thực góp của Công ty là 320.000.000.000 đồng.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản xuất và kinh doanh phân bón

Phân bón là mảng hoạt động kinh doanh truyền thống và chủ yếu của Công ty trong hơn 08 năm hình thành và phát triển. Đây là mảng hoạt động kinh doanh trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản, được duy trì và phát triển từ ngày đầu thành lập của Công ty. Theo đó, mảng sản xuất và kinh doanh phân bón cũng là mảng hoạt động mang lại phần lớn doanh thu và lợi nhuận của Công ty, chiếm khoảng từ 60% - 80% doanh thu qua các năm hoạt động.

Với lợi thế có Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu phân bón, Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng quốc tế với trên 25 khách hàng lớn bao gồm nhiều công ty, tập đoàn đa quốc gia như: Deawoo International Corporation (Hàn Quốc), Samsung C&T Corporation (Singapore), Ameropa (Thụy Sĩ), Agrogate (M) SDN BHD (Malaysia), Transmart DMCC (Dubai – UAE), Helm AG – Đức, Mainland Minerals – Newzealand, Heartychem Corporation – Korea, Lushbery Fertilizer Corpartion – USA, Dragon Asia Fertiliser Limited- Hong Kong, Marubeni Corporation – Japan, Sojitz Corporation – Japan...

Bên cạnh thị trường quốc tế, tại thị trường nội địa, mạng lưới phân phối và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty bao gồm phân bón NPK, Urea, DAP, MOP,... qua các nhà phân phối với độ phủ trên toàn miền Bắc và một số tỉnh Miền Trung, Miền Nam. Các thị trường nội địa chính của Công ty bao gồm: Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Lào Cai, Móng Cái và Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục khai thác thị trường trong nước nhằm phát huy thế mạnh về sản phẩm cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng của mình.

Về mảng phân bón, Công ty có hai hoạt động là thương mại và sản xuất. Cụ thể:

Phân bón thương mại

Hoạt động thương mại về phân bón, Công ty có hai thị trường chính là xuất khẩu ra nước ngoài và bán trong nước:

Xuất khẩu: đây là thị trường chủ yếu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho hoạt động thương mại phân bón, chiếm đến 80% doanh thu từ hoạt động thương mại phân bón.

Các loại sản phẩm phân xuất khẩu như: DAP, Urê, MAP, NPK, Kali, Lân các loại... trong đó chủ yếu là DAP, Urê, Phân lân... Nguồn cung cấp hàng cho hoạt động xuất khẩu này chính là các nhà máy phân đạm lớn trong nước – Công ty CP DAP - VINACHEM (cung cấp DAP), Công ty CP Phân Lân Ninh Bình (cung cấp Lân nung chảy), Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình (cung cấp Urê) và một số Công ty phân đạm khác trong nước.

Công ty hiện đang là nhà xuất khẩu lớn hàng đầu về Phân DAP của cả nước (mang về khoảng 1/3 doanh thu thuần và 1/4 lợi nhuận gộp của Công ty). Tại Việt Nam, hiện mới chỉ có Công ty CP DAP - VINACHEM (thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam, có trụ sở và nhà máy tại Hải Phòng) sản xuất phân DAP và Quảng Bình là nhà phân phối và xuất khẩu chính của DAP – VINACHEM. Các loại Phân bón còn lại, Công ty cũng chiếm một phần đáng kể góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Thị trường xuất khẩu lớn của công ty bao gồm: Hàn Quốc, Philippines, Myanmar, Indonesia, Malaysia, Hong Kong, Taiwan, Japan, New Zealand, Australia, USA...

Kinh doanh tại thị trường nội địa: Phân bón bán trong nước của Công ty chỉ chiếm khoảng 19% doanh thu từ hoạt động thương mại phân bón.

Với thị trường trong nước, Quảng Bình chiếm khoảng 5% thị trường cung cấp phân bón trên cả nước. Các loại sản phẩm phân bán trong nước như: DAP, Urê, MAP, NPA, Lân, Kali,.. trong đó chủ yếu là DAP, Urê và MAP.

Công ty đã thực hiện xây dựng kênh phân phối đại lý cấp 1, cấp 2 bán hàng trên các tỉnh thành, và bán nguyên liệu sản xuất phân bón do công ty trực tiếp nhập khẩu từ nước ngoài cho các Nhà máy sản xuất phân bón trong nước.

Các sản phẩm Phân bón thương mại của Công ty

DAP (Di-ammonium Phosphate)

Là một dạng của Phân hỗn hợp (phân đôi) - là loại phân hỗn hợp có 2 dưỡng chất quan trọng: N và P, hàm lượng phổ biến là 16-45, 16-48

Đặc điểm: có dạng hạt tròn, đường kính từ 1-4mm, có nhiều màu khác nhau, như: xanh ngọc, xanh nõn chuối, vàng, trắng ngà, xám, nâu, đen

Sử dụng: DAP có thể dùng để bón trực tiếp cho cây trồng hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất ra các loại phân NPK

Tỷ trọng: Chiếm từ 50% - 60% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

URÊ (UREA) [CO(NH₂)₂]

Là một loại Phân Đơn (*loại phân chỉ chứa nguyên tố dinh dưỡng là N,*) có tối thiểu 46%N

Đặc điểm: Có hai loại phân Urê chính là loại Hạt trong (Prilled UREA) và Hạt đục (Granular UREA).

Urê hạt trong: phân rất dễ tan, có màu trắng trong, dạng hạt tròn đường kính từ 0.8-2.85mm.

Urê hạt đục: Phân có dạng hạt to, đường kính hạt 2- 4mm, cứng, màu trắng đục như sữa.

Sử dụng: Urê hạt trong: là loại phổ biến nhất, dùng bón trực tiếp cho cây trồng.

Urê hạt đục: có thể bón trực tiếp cho cây trồng hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất các loại phân hỗn hợp khác như NPK.

Tỷ trọng: Chiếm từ 25% - 40% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

MAP (Mono-amonium Phosphate)

Là một dạng của Phân hỗn hợp (phân đôi) - là loại phân hỗn hợp có 2 dưỡng chất quan trọng: N và P, hàm lượng phổ biến là 10-50, 12-61.

Đặc điểm: có dạng bột, màu vàng, vàng nhạt

Sử dụng: Loại phân này chủ yếu dùng làm nguyên liệu sản xuất các loại phân NPK

Tỷ trọng: Chiếm từ 5% - 10% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

Phân SA (Ammonium Sulphate)[$(NH_4)_2SO_4$]

Là loại phân đơn, có tối thiểu 21% N.

Đặc điểm: có màu trắng trong hoặc trắng ngà, dạng tinh thể lấp lánh như kim cương hoặc như đường kính trắng, nhưng cỡ hạt lớn hơn, hoặc dạng hạt nhỏ, mịn. Dễ tan và tan hết trong nước, khi tan hấp thu nhiệt rất mạnh.

Sử dụng: Dùng bón trực tiếp cho cây trồng, nhất là cây công nghiệp dài ngày, hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất phân hỗn hợp NPK.

Tỷ trọng: Chiếm từ 1% - 2% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

Phân NPK

Là loại phân hỗn hợp (chứa N, P, K), Hàm lượng dinh dưỡng trong phân theo thứ tự là N, P, K được tính theo nồng độ phần trăm.

Đặc điểm: được chia thành phân trộn và phân phức hợp.

- *Phân trộn:* được sản xuất bằng cách phối trộn các loại phân nguyên liệu chứa Đạm, Lân và Ka-li với nhau theo một tỷ lệ nhất định, tạo thành một hỗn hợp gồm các hạt chứa riêng rẽ từng loại dinh dưỡng, mà không có sự tổ hợp hóa học giữa những chất đó. Loại phân này thường có nhiều màu.

- *Phân phức hợp:* được sản xuất dựa trên phản ứng hóa học từ những nguyên liệu căn bản để tạo thành các hạt phân tổng hợp mà mỗi hạt đều chứa đủ các thành phần dinh dưỡng theo một tỷ lệ nhất định.

Sử dụng: cung cấp dinh dưỡng đa lượng đạm, lân, kali và những nguyên tố trung và vi lượng khác cho cây trồng.

Tỷ trọng: Chiếm từ 1% - 2% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

Phân Kali (MOP)

Là loại phân đơn, có chứa tối thiểu 60% K_2O .

Đặc điểm: có dạng mảnh hoặc bột, màu sắc đặc trưng là đỏ hồng, hồng nhạt, đỏ tím và màu trắng, dễ hút ẩm.

Sử dụng: bón cho nhiều loại cây trên nhiều loại đất, không bón cho đất mặn và cây không ưa Clo.

Tỷ trọng: Chiếm từ 1% - 2% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

Phân lân

Là loại phân đơn, chứa từ 15,5%-16% Ô-xít Phốt-pho (P2O5 hữu hiệu).

Đặc điểm: gồm Supe lân và Lân nung chảy, khó tan trong nước.

Supe lân: có dạng bột mịn, có màu xám, xám xanh.

Lân nung chảy: dạng bột mịn và dạng mảnh. Màu sắc đen, xanh đen hoặc xám sẫm. Không tan trong nước.

Sử dụng: Cung cấp chất dinh dưỡng lân (P2O5) cho cây trồng.

Tỷ trọng: Chiếm từ 1% - 2% doanh thu mảng phân bón của Công ty.

Hoạt động sản xuất phân bón

Sau thời gian tìm hiểu, nghiên cứu và thử nghiệm, tháng 9 năm 2013, Công ty đã đưa dây chuyền sản xuất phân bón NPK 1 của Nhà máy sản xuất phân bón NPK Hải Phòng đi vào hoạt động với sản lượng khoảng 30.000 tấn/năm, tổng mức đầu tư khoảng 72 tỷ đồng.

Với kinh nghiệm với uy tín lớn trong ngành, Ban lãnh đạo Công ty đã thiết lập nguồn cung đầu vào ổn định cho nhà máy, chủ yếu đến từ: Ure Ninh Bình, DAP Đình Vũ, Kali Lào nhập khẩu, SA nhập khẩu trực tiếp từ các nước trên thế giới...

Nằm tại vị trí địa lý thuận lợi, gần khu vực Cảng Hải Phòng, gần các Nhà máy nguyên liệu như DAP Đình Vũ, Ure Ninh Bình... Nhà máy NPK Đình Vũ đã giảm được tối đa chi phí vận tải nhập nguyên vật liệu sản xuất cũng như xuất hàng bán đi các tỉnh thành hoặc xuất khẩu.

Hiện tại, 50% tổng sản phẩm nhà máy sản xuất ra đang được Công ty xuất khẩu. Ban lãnh đạo Công ty đang đặt mục tiêu phấn đấu thực hiện 70% sản phẩm sản Máy móc và công nghệ sản xuất NPK và Lân được nhập khẩu từ Đức, với dây chuyền công nghệ hiện đại tạo hạt bằng thùng quay hơi nước, hệ thống xử lý bụi tiên tiến bằng phương pháp lọc bụi tay áo, các động cơ và bộ giảm tốc được nhập khẩu từ các nước Châu Âu.

Tạo nên tính năng ưu việt cho sản phẩm NPK Đình Vũ, luôn đảm bảo chất lượng, phù hợp với nhiều thổ nhưỡng khác nhau mang lại nhiều hơn sự lựa chọn cho khách hàng nhà nông. Qua đó giúp bà con tăng năng suất cây trồng, tiết kiệm chi phí, cũng như duy trì độ phì nhiêu của đất.

Nhằm tối ưu hóa hoạt động của nhà máy, Công ty CP XNK Quảng Bình đã thành lập phòng KCS phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy: lân chậm tan, NPK các chủng loại và phân tích nguyên liệu đầu vào: lân trắng, DAP, SA, Cao lanh, apatit, Urea, MAP Supelân tươi, than...

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đăng ký thương hiệu riêng cho các dòng sản phẩm NPK Đình Vũ, Lân Đình Vũ nhằm đẩy mạnh quảng bá thương hiệu sản phẩm của mình.

7.2. Kinh doanh hoá chất

Hoạt động kinh doanh hóa chất cũng là hoạt động truyền thống và chủ yếu thứ 2 sau hoạt động kinh doanh phân bón của Công ty. Đây là mảng hoạt động mang lại khoảng từ 10% - 20% doanh thu của Công ty qua các năm hoạt động.

Hoạt động kinh doanh hóa chất của Quảng Bình là hoạt động nhập khẩu và phân phối hóa chất cho thị trường Việt Nam. Hiện tại Quảng Bình đang kinh doanh 2 loại hóa chất, đó là Lưu huỳnh (Sulfur) và Axit Sulphuaric (H_2SO_4).

Về Lưu huỳnh, Quảng Bình hiện đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Lưu huỳnh tại Việt Nam: Là một trong 2 nhà nhập khẩu duy nhất về Lưu huỳnh tại thị trường Việt Nam. Nhà nhập khẩu còn lại là một tổ chức nước ngoài. Trong nước gần như chưa có sản xuất, quy mô nhỏ lẻ chỉ đáp ứng chưa được 1% nhu cầu Lưu huỳnh trong nước.

Về Axit Sulphuaric, Quảng Bình hiện cũng đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Axit (H_2SO_4) tại Việt Nam: Là một trong 2 nhà Nhập khẩu duy nhất về Axit tại thị trường Việt Nam. Nhà nhập khẩu còn lại là Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam (SBCC) – Công ty con của Tập đoàn Hóa chất. Trong nước mới sản xuất đáp ứng được 5% nhu cầu Axit Sulphuaric trong nước.

Do hầu như toàn bộ (99%) nguồn cung Lưu huỳnh cho thị trường trên thế giới là sản phẩm phụ của ngành sản xuất dầu khí, nên chủ yếu Lưu huỳnh được Quảng Bình nhập khẩu từ các khu vực và nước có trữ lượng và sản xuất dầu khí lớn trên thế giới như: Nga, các nước Trung Đông (Israel, Belarus,..), Nhật Bản,..

Khách hàng chủ yếu của Quảng Bình về mảng kinh doanh hóa chất này chủ yếu là các Công ty về sản xuất phân bón, giấy, đường, và các phụ gia thức ăn chăn nuôi,.. Phần lớn đây cũng chính là các nhà cung cấp phân bón cho hoạt động kinh doanh Phân bón của Công ty.

Các sản phẩm hóa chất thương mại của Công ty

Lưu huỳnh (Sulfur)

Đây là phi kim phổ biến, không mùi, không vị, nhiều hóa trị. Lưu huỳnh, trong dạng gốc của nó là chất rắn kết tinh màu vàng chanh.

Sử dụng:

Lưu huỳnh có nhiều ứng dụng công nghiệp. Thông qua dẫn xuất chính của nó là axit sulfuric (H_2SO_4), lưu huỳnh được đánh giá là một trong các nguyên tố quan trọng nhất được sử dụng như là nguyên liệu công nghiệp. Đó là hóa chất quan trọng bậc nhất đối với mọi lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.

Nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng lưu huỳnh hàng đầu, chủ yếu ở dạng axit sunphuric - đây là chất trung gian cơ bản để sản xuất axit photphoric, phân đạm, phân lân, thuốc bảo vệ thực vật cũng như các sản phẩm nông hóa khác. Trên 50% sản lượng lưu huỳnh trên thế giới được sử dụng cho sản xuất phân bón.

Ngoài ra, Lưu huỳnh cũng được sử dụng trong sản xuất ắc quy, bột giặt, lưu hóa cao su, thuốc diệt nấm và trong sản xuất các phân bón photphat. Các sulfite được sử dụng để làm trắng giấy và làm chất bảo quản trong rượu vang và làm khô hoa quả. Do bản chất dễ cháy của nó, lưu huỳnh cũng được dùng trong các loại diêm, thuốc súng và pháo hoa....

Lưu huỳnh thường không được sử dụng trực tiếp như sản phẩm mà phần lớn được dùng làm nguyên liệu để sản xuất Axit sunphuric.

Tỷ trọng: Chiếm từ 60% - 90% doanh thu mảng kinh doanh hóa chất của Công ty.

Axit sulfuric (H_2SO_4)

Là một axit vô cơ mạnh, ở dạng dầu trong suốt, không màu, không mùi.

Sử dụng:

Axit sulfuric có nhiều ứng dụng, và được sản xuất với một sản lượng lớn hơn bất kỳ chất hóa học nào, ngoại trừ nước.

Ứng dụng chủ yếu của H_2SO_4 bao gồm sản xuất phân bón, chế biến quặng, tổng hợp hóa học, xử lý nước thải và tinh chế dầu mỏ.

Axit sulfuric là hóa chất thương mại rất quan trọng, và sản lượng axit sulfuric của một quốc gia được coi như là một chỉ số tốt về sức mạnh công nghiệp của quốc gia đó.

Tỷ trọng: Chiếm từ 10% - 40% doanh thu mảng kinh doanh hóa chất của Công ty.

7.3. Các hoạt động kinh doanh khác

Hoạt động kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan

Nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động kho bãi đối với việc xuất nhập khẩu hàng hóa, kiểm tra hải quan, đồng thời nhằm đa dạng hóa và gia tăng giá trị cho các hoạt động kinh doanh hiện có của Công ty, tháng 9/2013, Công ty CP XNK Quảng Bình đưa vào sử dụng kho ngoại quan tại Hải Phòng với tổng diện tích 1,5 hecta với hệ thống kho bãi hiện đại, được trang bị camera cho phép ban quản lý theo dõi hoạt động và đảm bảo an ninh chặt chẽ. Những quy định chặt chẽ của Bộ Tài Chính trong về điều kiện thành lập kho ngoại quan trong thời gian qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp với tiềm năng tài chính vững vàng như Công ty CP XNK Quảng Bình tham gia vào thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi ngoại quan.

Với kết quả hoạt động khả quan và biên lợi nhuận tốt của kho ngoại quan tại Hải Phòng, tháng 12/2013, Công ty tiếp tục đưa vào hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu với diện tích trên 25.000 m² tại Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng, tạo đòn bẩy thúc đẩy dịch vụ xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu hàng hóa.

Với vị trí quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, xúc tiến đầu tư, thu hút khách tham quan du lịch và hội nhập kinh tế quốc tế, trong những năm gần đây lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng tăng đều qua từng năm. Năm 2009, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt gần 100 triệu USD đến năm 2013 đạt 2 tỷ USD. Điểm kiểm tra tập trung hàng hóa của Công ty CP XNK Quảng Bình có diện tích lớn, tạo điều kiện thuận lợi thông quan cho xe container, cho phép khoảng 100 xe container tập kết kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu cùng một lúc. Với vị trí thuận lợi nằm sát với cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng, Chi nhánh của Công ty tại Cao Bằng được kỳ vọng sẽ tạo thành một khu vực thông quan hàng xuất nhập khẩu kèm theo các dịch vụ giá trị gia tăng có quy mô, hiện đại và hiệu quả, đồng thời đặt nền móng cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh này của Công ty.

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Ngoài các mảng hoạt động trên, tận dụng mối quan hệ từ mạng lưới khách hàng rộng lớn cả trong và ngoài nước, Công ty CP XNK Quảng Bình từng bước đưa các sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế cũng như đưa các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế đến tay người tiêu dùng nội địa, bao gồm:

- Xuất khẩu: gạo, đường,...

- Nhập khẩu: khô, đậu tương,...
- Hàng tạm nhập tái xuất: đường, hàng đông lạnh, bông, hàng hoa quả khô,...

7.4. Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là sản xuất, thương mại phân bón và kinh doanh hoá chất. Ngoài ra, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác như: kho bãi ngoại quan, buôn bán nông sản,... cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty.

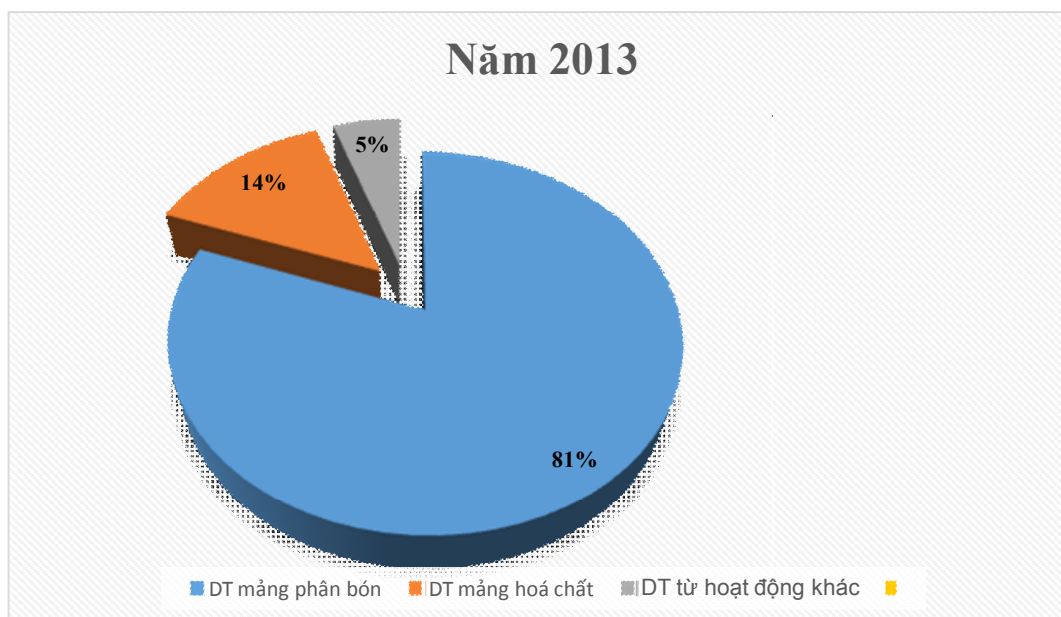
Bảng 06: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013 - 2014

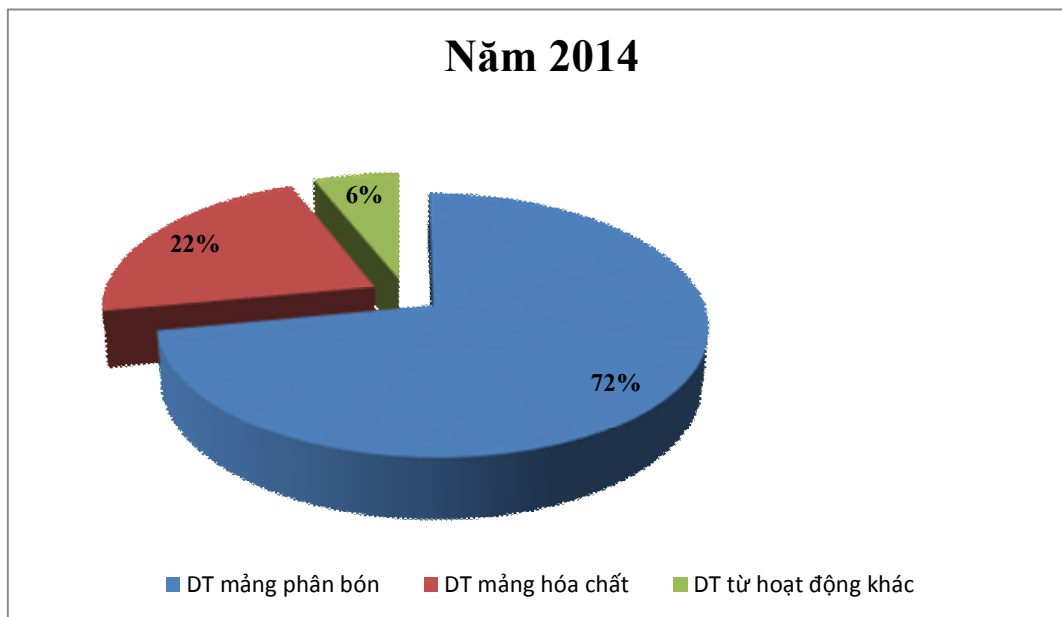
Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	Năm 2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DT mảng phân bón	1.563.270	81%	1.911.669	72%
DT mảng hoá chất	275.698	14%	584.121	22%
DT từ hoạt động khác	100.976	5%	159.306	6%
Tổng cộng	1.939.946	100%	2.655.096	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình

Cơ cấu doanh thu năm 2013, 2014





7.5. Doanh số Công ty giai đoạn 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015

Bảng 07: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015

ĐVT: VNĐ

Khoản mục	2013	2014	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu thuần	1.939.946.255.474	2.655.043.392.394	136,86%	1.606.975.115.465
Lợi nhuận sau thuế	21.347.812.602	64.419.303.102	301,76%	44.320.767.558

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2015 của Công ty

7.6. Chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là lĩnh vực kinh doanh thương mại. Nên chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn, chiếm bình quân trên 90% doanh thu thuần hàng năm của Công ty.

Bảng 08: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/ doanh thu thuần

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu 2015	
		Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu
I	Doanh thu thuần	1.939.946.255		2.655.043.392		1.606.975.115	
II	Chi phí	1.919.560.253	98,95	2.576.763.479	97,05	1.556.248.951	96,84
1	Giá vốn hàng bán	1.861.569.044	95,96	2.503.864.461	94,31	1.508.464.918	93,87
2	Chi phí tài chính	11.097.505	0,57	16.853.890	0,63	17.171.219	1,07
3	Chi phí bán hàng	40.079.601	2,07	45.488.309	1,71	26.713.129	1,66
4	Chi phí quản lý	6.814.103	0,35	10.556.818	0,40	3.899.685	0,24

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2015 của Công ty

Do hoạt động kinh doanh chính của QBS thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại là chính, nên các chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn, chiếm bình quân trên 90% doanh thu thuần hàng năm của Công ty. Đáng chú ý, tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có xu hướng giảm dần, điều này nhờ chi phí đầu vào giảm do Công ty tập trung thương lượng và đàm phán giá cả nguồn cung cấp đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống, đồng thời luôn tìm kiếm nguồn hàng mới với giá cạnh tranh. Bên cạnh đó, nhà máy phân bón NPK và hoạt động kinh doanh kho ngoại quan với khả năng sinh lời cao đã giúp Công ty cải thiện được chi phí giá vốn so với năm trước.

Chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý duy trì ở mức tỷ trọng thấp trên tổng chi phí và có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây. Điều này thể hiện khả năng kiểm soát chi phí một cách hiệu quả của Công ty trong điều kiện kinh tế khó khăn.

7.7. Trình độ công nghệ

Nhà máy NPK

- Công ty CP XNK Quảng Bình đã xây dựng thiết lập phòng KCS phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy: lân chậm tan, NPK các chủng loại và phân tích

nguyên liệu đầu vào: lân trắng, DAP, SA, Cao lanh, apatit, Urea, MAP, lân tươi, quặng Apatits.

- Các tiêu chuẩn áp dụng cho phân tích hiện nay:

TCVN 8557: 2010 - Phân tích N tổng.

TCVN 5815: 2001, TCVN 4440: 2004 - Phân tích Phốt pho hữu hiệu.

TCVN 180:2009: Phân tích Phốt pho tổng số

TCVN 8562: 2010 - Phân tích Kali tổng.

TCVN 9296:2012- Phân tích lưu huỳnh.

TCVN 9297:2012: Phân tích độ ẩm

- Công nghệ sản xuất NPK áp dụng trong dây chuyền máy móc là các dây chuyền công nghệ hiện đại tạo hạt bằng thùng quay hơi nước, hệ thống xử lý bụi tiên tiến bằng phương pháp lọc bụi tay áo. Các động cơ và bộ giảm tốc được nhập khẩu từ các nước Châu Âu.

Bảng 09: Danh sách máy móc thiết bị của Công ty

STT	Tên thiết bị máy móc	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị (VNĐ)
I	Danh mục thiết bị máy móc phục vụ cho phòng KCS		
1	Tủ hút khí độc HD 2000 (Việt Nam)	2013	44.000.000
2	Thiết bị chung cất Kjeldahl bán tự động (Velp – Ý)	2013	70.070.000
3	Thiết bị phá mẫu DK6 (Velp – Ý)	2013	60.800.000
4	Bơm hút khí độc JP (Velp – Ý)	2013	34.250.000
5	Bộ lọc khí độc SMS (Velp – Ý)	2013	18.200.000
6	Máy quang kén gọn lửa số (Hãng Jenway – Anh)	2013	149.000.000
7	Cân phân tích điện tử có nội chuẩn (A&D - Nhật)	2013	37.000.000
8	Cân kỹ thuật (A&D Nhật - xuất xứ Hàn Quốc)	2013	10.164.000
9	Lò nung (Nabertherm - Đức)	2013	72.000.000

10	Tủ sấy hiện kim (Trung Quốc)	2013	6.900.000
11	Tủ sấy UFE 500 (Mimmert - Đức)	2013	48.000.000
12	Máy cất nước 1 lần (Trung Quốc)	2013	5.500.000
13	Bếp điện (Gali Trung Quốc)	2013	1.800.000
14	Máy lãc ngang HY2 (Trung Quốc)	2014	3.850.000
15	Máy đo nhiệt độ bằng hồng ngoại (Extech - Mỹ)	2014	4.290.000
16	Bếp cách thủy	2013	1.595.000
II	Danh mục thiết bị máy móc thuộc dây chuyền Lãn Đình Vũ (công suất: 30.000 tấn/năm)		
1	Máy tạo hạt + hệ băng tải lên máy tạo hạt	10/2014	933.911.000
2	Hệ thống máy nghiền nguyên liệu, sàng rung, hệ băng tải cấp liệu	10/2014	651.921.600
III	Danh mục thiết bị máy móc thuộc dây chuyền NPK (công suất 50.000 tấn/năm)		
1	Máy sàng lồng	2015	426.900.000
2	Hệ máy nghiền nguyên liệu	2015	1.010.240.000
3	Hệ máy nghiền hồi lưu	2015	856.729.200
4	Hệ thống nôi hơi	2015	1.058.200.000
5	Hệ băng tải cấp liệu	2015	950.675.000
6	Hệ quạt hút	2015	844.800.000
IV	Danh mục các máy móc thiết bị khác		
1	Máy in phun ngày tháng năm (Hitachi - Nhật)	10/2014	130.768.000
2	Xe ô tô tải Hoa Mai (Hoa Mai - Việt Nam)	10/2014	582.000.000
3	Xe nâng KOMATSU - Nhật	2013	467.500.000
4	Xe nâng IZUZU- Đài Loan	2013	300.000.000
5	Xe xúc đào - Doosan	2014	1.090.000.000
6	Xe xúc lật - Hitachi	2013	690.000.000
7	Thiết bị Trạm cân ô tô 100 Tấn	2013	302.170.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình)

7.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ

Hiện tại Công ty CP XNK Quảng Bình đang ký kết hợp đồng với Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol về việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cho 01 phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 với nội dung sau:

- Xem xét ban đầu
- Lập kế hoạch
- Cung cấp tài liệu
- Đào tạo, tập huấn về công nhận PTN theo ISO/IEC 17025:2005:
 - Nội dung của ISO/IEC 17025:2005
 - Xây dựng hệ thống tài liệu theo ISO/IEC 17025:2005
 - Xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử
 - Ước lượng độ không đảm bảo đo
 - Đánh giá chất lượng nội bộ.
- Hướng dẫn xây dựng hệ thống tài liệu quản lý Phòng thí nghiệm:
 - Sổ tay chất lượng
 - Hệ thống thủ tục
 - Phê duyệt phương pháp thử nghiệm (xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử)
 - Hệ thống hướng dẫn
 - Hệ thống biểu mẫu
 - Quy trình đánh giá độ không đảm bảo đo
 - Các quy trình kỹ thuật liên quan đến HTQL Phòng thí nghiệm
- Hướng dẫn triển khai áp dụng HTCL theo các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005 tại phòng thí nghiệm.
- Các công việc khác:
 - Hướng dẫn đánh giá nội bộ HTQL PTN.
 - Hướng dẫn tổ chức cuộc họp xem xét của lãnh đạo
 - Hướng dẫn thủ tục xin công nhận: lập đơn, phiếu hỏi...
- Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình tư vấn.
- Đánh giá thử trước khi BoA đánh giá chính thức.
- Phối hợp làm việc với bên tư vấn là Công ty CP tập đoàn VINACONTROL từ tháng 4 năm 2014, sau 6 tháng thực hiện đưa Hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025: 2005 áp dụng vào hoạt động thử nghiệm tại phòng KCS, phòng KCS đã nộp đơn xin đánh giá công nhận lên Văn phòng Công nhận chất lượng(BOA) và

đã được đánh giá chính thức vào tháng 10 năm 2014. BOA đã ra quyết định chính thức công nhận phòng KCS Nhà Máy nằm trong Hệ thống phòng Thí nghiệm chuẩn quốc gia, đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của ISO 17025:2005 với mã hiệu là **VILAS 805** hiệu lực từ tháng 1 năm 2015.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

- Để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng vận hành tốt và có sự kiểm soát hiệu quả xuyên suốt quá trình sản xuất – kinh doanh, Công ty đã thành lập ban Quản lý chất lượng gồm các chuyên gia được đào tạo và chứng nhận ”chuyên gia đánh giá nội bộ” của Công ty. Bộ phận này hoạt động theo đúng quy trình đánh giá nội bộ dưới sự chỉ đạo của đại diện Ban lãnh đạo về đánh giá chất lượng định kỳ nhằm tối ưu hóa hệ thống và đảm bảo chất lượng hoạt động.
- Bên cạnh đó, phòng KCS phối hợp với bộ phận sản xuất và phòng kế hoạch vật tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên vật liệu, bán thành phẩm đến thành phẩm trước, trong và sau quá trình sản xuất cung cấp dịch vụ, đảm bảo các sản phẩm hoàn thành đúng chất lượng đồng thời các sản phẩm không phù hợp được nhận biết, tránh sử dụng nhầm lẫn.
- Trong hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đồng thời xây dựng quy trình theo dõi phản hồi của khách hàng và giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo lấy đó là những ý kiến đóng góp và định hướng cho hoạt động cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách hiệu quả nhất.

Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm

- Toàn bộ quy trình sản xuất của Công ty đều được quy chuẩn hóa ngay từ đầu, mỗi công đoạn đều được đội ngũ giám sát kỹ thuật chất lượng bám sát theo quy trình sản xuất để kiểm soát kỹ thuật và có đánh giá phân loại bán thành phẩm theo đúng quy trình cụ thể.

7.9. Hoạt động Marketing

Trong định hướng và giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch của Công ty trong những năm tới, Công ty đã xác định hoạt động marketing là hoạt động quan trọng hàng đầu và phải được quan tâm thường xuyên. Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển thương hiệu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, để hình ảnh Công ty ngày một trở nên quen thuộc hơn với khách hàng và các đối tác.

Hiện tại, Công ty CP XNK Quảng Bình đang thực hiện quảng bá hình ảnh công ty qua các kênh và các hoạt động như sau:

- Trang web điện tử của công ty: www.quangbinhjsc.com.vn
- Thành viên vàng (Gold Supplier) trên trang công cụ tìm kiếm sản phẩm và giới thiệu doanh nghiệp toàn thế giới: www.alibaba.com
- Đăng ký quảng cáo hình ảnh và thương hiệu công ty trên một số trang web điện tử trong nước.
- Tham gia triển lãm gian hàng tại các hội chợ về nông sản và phân bón: Hội chợ Nông nghiệp Agro Việt,...
- Tham gia các chương trình giải thưởng “Vì sự phát triển cộng đồng ASEAN”, “Nhà Quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới”, “Thương hiệu nổi tiếng ASEAN Việt Nam – Lào – Campuchia năm 2013”....
- Ngoài ra, Công ty CP XNK Quảng Bình còn có các hoạt động song song nghiên cứu, phát triển thị trường và quảng bá hình ảnh công ty.
- Cùng đại lý phân phối sản phẩm phân bón NPK tổ chức các chương trình hội thảo giới thiệu với bà con nông dân sản phẩm NPK Đình Vũ và phát sản phẩm khuyến mãi tại các vùng miền phía Bắc: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Phú Thọ,...
- Tổ chức cho nhân viên phòng kinh doanh đi khảo sát tại các cơ sở sản xuất NPK để giới thiệu các sản phẩm của công ty tại các tỉnh thành: Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, ..., quận huyện: Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, An Lão, Tiên Lãng...

7.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Đăng ký logo: Logo Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 184957 ngày 15/05/2012 theo Quyết định số: 24521/QĐ-SHTT do Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục Sở hữu trí tuệ cấp.

Ý nghĩa logo: Logo tổng thể bao gồm: một hình tam giác cách điệu, màu xanh nước biển; bên trong là chữ “QB” cách điệu, màu đỏ, hai bên có hai đường thẳng song song, màu trắng và góc phía dưới được tạo thành bởi hai mũi tên ghép lại. Tất cả được đặt trên nền màu trắng.

Logo công ty có chữ QB nổi bật màu đỏ, là viết tắt của tên Công ty CP XNK Quảng Bình, cùng mũi tên bên dưới là biểu tượng của mỏ neo, tượng trưng cho

thể mạnh vận tải biển, xuất nhập khẩu của Thành phố Cảng Hải Phòng. Hai hình tam giác hai bên, ý nghĩa cho hai cánh bay lên, tượng trưng cho sự phát triển bền vững đi lên của công ty, dựa trên sự nỗ lực cố gắng bền bỉ của toàn thể cán bộ công nhân viên chức Công ty CP XNK Quảng Bình.

- Website của Công ty: www.quangbinhjsc.com.vn
- Nhãn hiệu thương mại: NPK Đình Vũ, Lân Đình Vũ

7.11. Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc ký kết

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (USD)
1	QBEX.DVDAP.202014	DONGBU FARM HANNONG Co.,LTD	22/9/2014 – 10/2015	Phân bón DAP	14.586.000
2	SSFD141211Q	SAM SUNG C&T SINGAPORE PTE LTD	11/12/2014 – 02/01/2015	Phân bón DAP	2.258.500
3	PC1514	DRAGON ASIA FERTILISER LIMITED	25/02/2015 – 30/3/2015	Phân bón DAP	4.360.000
4	QBEX.DVDAP.012015	DAEWOO INTERNATIONAL CORPORATION	26/02/2015 – 3/2015	Phân bón DAP	2.267.500
5	QBEX.DVDAP.022015	DAEWOO INTERNATIONAL CORPORATION	06/03/2015 – 07/4/2015	Phân bón DAP	4.590.000

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (USD)
6	QBEX.DVDAP.062015	DAEWOO INTERNATIONAL CORPORATION	13/05/2015 – 07/2015	Phân bón DAP	8.199.000
7	QBEX.FMP.012015	AGROMATE (M) BHD	30/01/2015 – 03/2015	Lân Nung chày	480.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

* Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 11: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	6 tháng 2015
Tổng giá trị tài sản	428.845.607.206	1.560.264.172.452	263,83%	1.838.591.129.804
Doanh thu thuần	1.939.946.255.474	2.655.043.392.394	36,86%	1.606.975.115.465
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.760.134.889	84.371.739.237	227,53%	54.611.880.083
Lợi nhuận khác	2.954.437.878	-1.268.225.757	-142,93%	2.180.903.739
Lợi nhuận trước thuế	28.714.572.767	83.103.513.480	189,41%	56.792.783.822
Lợi nhuận sau thuế	21.347.812.602	64.419.303.102	201,76%	44.320.767.558
EPS	3.812	2.777	-27,15%	1.385

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2015 của Công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm đều có sự cải thiện rõ rệt, với mức tăng doanh thu thuần, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của năm 2014 đều tăng vọt so với kết quả thu được trong năm 2013. Đáng chú ý hơn nữa là lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 201,76% so với năm 2013, điều này cho thấy Công ty hoạt động hiệu quả và kiểm soát tốt chi phí.

Giá trị tổng tài sản năm 2014 tăng 263,83% so với năm 2013 chủ yếu là sự tăng lên của các khoản phải thu và hàng tồn kho, trong khi đó tiền và các khoản tương đương tiền lại giảm đi.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a) Những thuận lợi

- Công ty có uy tín lớn trên thị trường sản xuất và kinh doanh phân bón nhờ chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất, giao hàng đúng thời hạn cùng các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo.
- Bên cạnh đó, nguồn cung ổn định, trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và mạng lưới khách hàng rộng lớn tại thị trường quốc tế cũng như nội địa là những lợi thế cạnh tranh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực, giúp Công ty duy trì đà tăng trưởng qua những năm khó khăn của nền kinh tế.
- Nhà cung cấp cũng chính là khách hàng của Quảng Bình: cung cấp Lưu huỳnh và Axít cho các Nhà máy sản xuất Phân bón, đồng thời lại tiếp tục phân phối và xuất khẩu Phân bón cho chính các Nhà máy này. Điều này tạo nên mối quan hệ chặt chẽ với nhà cung cấp và cũng chính là khách hàng của Công ty, mặt khác góp phần hỗ trợ lẫn nhau trong khi triển khai công việc kinh doanh.
- Hiện nay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có một đội ngũ cán bộ nhân viên, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang từng bước được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Sự đoàn kết nhất trí, tâm huyết của Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cùng với việc tổ chức ổn định bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ đảm bảo cho việc điều hành hoạt động hiệu quả và chủ động sáng tạo trong công việc.
- Đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan và cửa hàng miễn thuế, chính sách quản lý chặt chẽ của Chính phủ trong những năm gần đây đã tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính vững vàng như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

b) Những khó khăn

- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang trong tình trạng khó khăn, thị trường phân bón, nông sản không ổn định, có dấu hiệu bão hòa. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh cao cùng xu hướng giảm giá phân bón của thị trường thế giới gây ảnh hưởng tới tình hình doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên với sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo, Công ty đã đạt mức tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận trong năm 2014, tạo tiền đề vững chắc cho những năm tiếp theo.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**9.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Hiện nay mức độ cạnh tranh trên thị trường Phân bón và Hóa chất khá cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, thị trường đã có sự phân hóa rõ nét, theo đó các doanh nghiệp có quy mô và mạng lưới khách hàng lớn - ổn định chiếm phần lớn thị phần lớn trong ngành. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình là một Doanh nghiệp như thế:

- Công ty hiện đang là nhà xuất khẩu lớn hàng đầu về Phân DAP của cả nước (mang về khoảng 1/3 doanh thu thuần và 1/4 lợi nhuận gộp của Công ty). Tại Việt Nam, hiện mới chỉ có Công ty CP DAP - VINACHEM (thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam, có trụ sở và nhà máy tại Hải Phòng) sản xuất phân DAP, và Quảng Bình là nhà phân phối và xuất khẩu chính của DAP – VINACHEM. Các loại phân bón còn lại, Công ty cũng chiếm một phần đáng kể góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Đối với mảng sản xuất phân bón, theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, cả nước hiện có hàng trăm cơ sở sản xuất phân bón NPK với tổng công suất lên tới 3,7 triệu tấn/năm. Với nhà máy NPK mới đi vào hoạt động có công suất trên 55.000 tấn/năm, sản lượng sản xuất của Công ty hiện ở mức khá so với các doanh nghiệp trong ngành. Tận dụng lợi thế uy tín, khách hàng và tiềm lực thế mạnh của mình, Công ty đang từng bước xây dựng và mở rộng những sản phẩm mang thương hiệu riêng nhằm nâng cao vị thế trên thị trường phân bón sản xuất;
- Về Lưu huỳnh, Quảng Bình hiện đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Lưu huỳnh tại Việt Nam: Là một trong hai nhà nhập khẩu duy nhất về Lưu huỳnh tại thị trường Việt Nam. Nhà nhập khẩu còn lại là một tổ chức nước ngoài. Trong nước gần như chưa có sản xuất, quy mô nhỏ lẻ chỉ đáp ứng chưa được 1% nhu cầu Lưu huỳnh trong nước;

- Về Axit Sulphuaric, Quảng Bình hiện cũng đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Axit (H_2SO_4) tại Việt Nam: Là một trong hai nhà nhập khẩu duy nhất về Axit tại thị trường Việt Nam. Nhà nhập khẩu còn lại là Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam (SBCC) – Công ty con của Tập đoàn Hóa chất. Trong nước mới sản xuất đáp ứng được 5% nhu cầu Axit Sulphuaric trong nước.

Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan, dù mới được đưa vào hoạt động trong năm 2013, Công ty đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường. Kho ngoại quan tại Cao Bằng và Hải Phòng với diện tích rộng, cơ sở vật chất tốt cùng vị trí thuận lợi gần cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng và Cảng Hải Phòng được đánh giá là có lợi thế cạnh tranh lớn, tạo thành một khu vực thông quan hàng xuất nhập khẩu kèm theo các dịch vụ giá trị gia tăng có quy mô, hiện đại và hiệu quả tại khu vực hoạt động. Với khả năng sinh lời cao và hoạt động ổn định, dự kiến Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng mảng kinh doanh kho ngoại quan trong những năm tới.

Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản hiện vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng doanh thu, lợi nhuận của Công ty, do đó quy mô vẫn ở mức nhỏ so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

9.2. Triển vọng phát triển ngành

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón

- Doanh thu từ xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục đóng góp nhiều hơn vào tổng doanh thu của toàn ngành Phân bón. Nhờ vị trí địa lý thuận lợi khi không chỉ nằm ở trung tâm Đông Nam Á mà còn được bao quanh bởi biển, Việt Nam được đánh giá là có nhiều lợi thế thương mại khi xuất khẩu phân bón sang các quốc gia khác trong vùng như Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Philippines,... Chi phí vận chuyển hàng hóa thấp cũng như nhu cầu phong phú từ các nước châu Á hứa hẹn tăng trưởng doanh thu mạnh cho ngành phân bón Việt Nam. Hiện nay, các hoạt động xuất khẩu chiếm dưới 5% tổng doanh thu của toàn ngành, song dự tính sẽ tăng lên và đạt từ 10% đến 15% trong những năm tiếp theo.
- Mặt khác, đối với thị trường trong nước, Việt Nam là một nước nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân hàng năm khoảng 4%. Nhu cầu phân bón cho sản xuất nông nghiệp là rất lớn nhưng ngành công nghiệp phân bón trong nước chỉ mới đáp ứng được 60% tổng mức nhu cầu tiêu thụ. Do đó, thị trường phân bón còn nhiều thị phần để các doanh nghiệp trong ngành phát triển.

- Về nguồn cung, do rào cản gia nhập thấp, nhiều doanh nghiệp nhỏ chỉ mua nguyên liệu về pha trộn theo công thức rồi đưa ra thị trường, cùng với sự lưu hành rộng rãi của các sản phẩm phân bón giá rẻ nhập từ Trung Quốc, tạo nên sự cạnh tranh căng thẳng tại phân khúc giá thấp. Trong khi đó, những doanh nghiệp với quy mô sản xuất tầm cỡ, mạng lưới khách hàng lớn vẫn tạo được lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường.

Lĩnh vực kinh doanh hóa chất

Lưu huỳnh thường không được sử dụng trực tiếp như sản phẩm mà phần lớn được dùng làm nguyên liệu để sản xuất axit sunphuric. Nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng lưu huỳnh hàng đầu, chủ yếu ở dạng axit sunphuric - đây là chất trung gian cơ bản để sản xuất axit photphoric, phân đạm, phân lân, thuốc bảo vệ thực vật cũng như các sản phẩm nông hóa khác. Trên 50% sản lượng lưu huỳnh trên thế giới được sử dụng cho sản xuất phân bón và con số này có thể tăng khi nhu cầu phân bón tăng.

Axit sunfuric là một trong những hóa chất công nghiệp được sử dụng rộng rãi nhất, chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất phân lân, chế biến các nhiên liệu lỏng, tổng hợp hữu cơ, sản xuất thuốc nhuộm, dùng trong công nghiệp luyện kim, mạ điện,... Trong đó, sản xuất phân lân chiếm trên 50% tổng sản lượng tiêu thụ axit sunfuric.

Bên cạnh việc nhập trực tiếp axit sunfuric, các doanh nghiệp còn nhập lưu huỳnh để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Lưu huỳnh ở Việt Nam vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường nhập khẩu. Cùng với nhu cầu ngày càng tăng của phân bón và các ngành công nghiệp khác, nhu cầu tiêu thụ lưu huỳnh và axit sunfuric dự kiến tăng trong thời gian tới.

Triển vọng trong 2 năm tới, Quảng Bình dự kiến có thể sẽ tăng ít nhất gấp 2 lần doanh thu và lợi nhuận về mảng nhập khẩu và phân phối hóa chất (Lưu huỳnh, Axit). Bởi đây là nguồn nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất Phân bón DAP, Phân Lân,... với kế hoạch ngành rất rõ ràng trong tương lai gần, cụ thể:

- Đến 2015, DAP Lào Cai bắt đầu đi vào hoạt động và theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, hết năm 2015 sẽ có thêm 1 nhà máy DAP nữa hoặc sẽ nâng gấp đôi công suất của DAP Đình Vũ (DAP 1).
- Sản xuất Lân nung chảy hiện tại vào khoảng 600.000 tấn/năm bao gồm nhà máy Văn Điển và nhà máy Ninh Bình. Dự kiến tương lai gần sẽ có thêm khoảng 500.000 tấn/năm của 3 nhà máy mới (Lào Cai, Thanh Hóa,...)

Đây cũng là mảng có biên lợi nhuận cao nhất (bình quân khoảng 18%) và dự kiến sẽ đem lại khoảng hơn 50% lợi nhuận gộp của Công ty trong những năm tới.

Lĩnh vực hoạt động khác

Đối với hoạt động thương mại xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm: Chính sách tiền tệ hiệu quả, tỷ giá ổn định cùng với nền kinh tế đang trên đà hồi phục đã tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Đáng chú ý, giai đoạn 2014 - 2015 được kỳ vọng sẽ có những cơ hội mới cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại – xuất nhập khẩu nhờ những chính sách mở cửa theo lộ trình gia nhập WTO và khả năng tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Đối với hoạt động kinh doanh kho ngoại quan: Đây là hoạt động dịch vụ hỗ trợ, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự phát triển của lĩnh vực thương mại – xuất nhập khẩu. Tiềm năng phát triển của hoạt động kinh doanh kho ngoại quan mang lại tỷ suất lợi nhuận cao. Những quy định gần đây của Bộ Tài chính về điều kiện và yêu cầu khắt khe đối với các doanh nghiệp kinh doanh mảng dịch vụ này phần nào mang lại lợi thế lớn đối với Công ty CP XNK Quảng Bình nhờ lợi thế tiềm lực tài chính. Bên cạnh đó, các kho ngoại quan quy mô lớn đặt tại các cửa khẩu chiến lược giúp tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty trong lĩnh vực này.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Nhu cầu tiêu thụ phân bón hàng năm tại Việt Nam khoảng 9-10 triệu tấn. Tuy nhiên, thị trường phân bón Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu. Sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được 50% - 60% nhu cầu. Những doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, ứng dụng công nghệ tốt hơn và đa dạng hoá được nguồn nguyên liệu sẽ có lợi thế cạnh tranh rất lớn trong thời điểm khó khăn hiện nay cũng như trong dài hạn.

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường, Ban lãnh đạo Công ty đã có những định hướng phát triển phù hợp với tình hình thị trường. Công ty hiện đã đưa nhà máy sản xuất phân NPK tại Hải Phòng vào hoạt động từ tháng 9/2013 với tổng mức đầu tư vào khoảng 72 tỷ đồng, công suất giai đoạn đầu là 30.000 tấn/năm. Với mạng lưới khách hàng rộng lớn và tiềm lực tài chính ổn định, Công ty CP XNK Quảng Bình có chi phí sản xuất thấp và ít biến động.

Nhà nước đã ban hành một số văn bản hướng dẫn, quy định về việc quản lý trong lĩnh vực hải quan, phân bón như Thông tư 38/2015/TT-BTC, Nghị định 202/2013/NĐ-CP. Theo đó, Nhà nước chủ trương thắt chặt các yêu cầu đối với doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này nhằm hạn chế việc thành lập tràn

lan các kho ngoại quan, cơ sở sản xuất phân bón; qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực vững mạnh và định hướng phát triển rõ ràng. Với lợi thế Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành, Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã nhanh chóng bắt kịp xu thế, bám sát với các chính sách – chủ trương của Nhà nước. Kể từ khi thành lập, Công ty đã từng bước tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính và chuẩn hóa quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ với mục tiêu mở rộng quy mô hoạt động, phát triển từng mảng kinh doanh bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một chuỗi giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2015 là 98 người với cơ cấu như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2015

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	
▪ Nam	61
▪ Nữ	37
Phân theo trình độ học vấn	
▪ Trình độ đại học và trên đại học	57
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	15
▪ Đối tượng khác	26
Tổng số Cán bộ công nhân viên	98

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

10.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ, kinh nghiệm và ý thức trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập.

Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

c. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng có định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

Các tổ chức quần chúng được tạo điều kiện hoạt động và nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau đối với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành. Mức lương bình quân tăng từ mức 6.500.000 đồng/người/tháng trong năm 2013 lên 6.700.000 đồng/người/tháng trong năm 2014.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất (2013-2014):

- Năm 2013: Công ty không thực hiện trả cổ tức nhằm tập trung vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư, mở rộng dây chuyền sản xuất.
- Năm 2014: Công ty đã quyết định trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 20%, trong đó 5% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2015.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014: 320.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014: 417.898.960.613 đồng.
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 – 06 năm
- Phương tiện vận tải: 06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 03 – 06 năm

❖ **Mức lương bình quân****Bảng 13: Mức lương bình quân**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng 2015
1	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	6.500.000	6.700.000	6.800.000

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và năm 2014, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong năm 2013, 2014 như sau:

Bảng 14: Các khoản phải nộp

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Thuế GTGT	1.444.656.691	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.310.770.486	15.391.422.069	8.472.016.264
Thuế thu nhập cá nhân	384.881	-	-
Tổng cộng	8.755.812.058	15.391.422.069	8.472.016.264

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2015 của Công ty

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, việc phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó có việc trích lập các quỹ) trong công ty cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của công ty cổ phần và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc trích lập các quỹ đối với Công ty là thuộc quyền của Cổ đông Công ty. Do vậy trong những năm qua, trong quyền hạn của mình thông qua Điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông Công ty đã không thực hiện việc trích lập các quỹ nhằm tự chủ và linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn lợi nhuận chưa phân phối vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 15: Tổng dư nợ vay

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Lãi suất
Vay và nợ ngắn hạn		183.841.582.385	244.036.693.551	
1	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN Thủ Đô	28.000.000.000	127.887.133.986	Hạn mức: 300 tỷ đồng. Lãi suất được xác định cụ thể trong từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất hoặc các hợp đồng tiền gửi mà Công ty là người sở hữu hoặc do bên thứ 3 bảo lãnh.
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Sở Giao dịch Hà Nội	52.706.957.593	945.214.325	Hạn mức: 300 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất hoặc các hợp đồng tiền gửi mà Công ty là người sở hữu hoặc do bên thứ 3 bảo lãnh.
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	82.296.124.792	7.000.000.000	Hạn mức: 300 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được xác định

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Lãi suất
	Vượng			cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng.
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hải Phòng	-	50.978.345.240	Hạn mức: 300 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng.
5	Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	39.290.000.000	Khoản vay theo hợp đồng tín chấp ngày 21/11/2014, thời hạn 6 tháng tính từ ngày 28/11/2014 đến hết ngày 27/05/2014. Lãi suất 8,5% một năm, trả lãi 3 tháng 1 lần.
6	Công ty CP XNK Nhân Đức	-	17.600.000.000	Khoản vay theo hợp đồng tín chấp ngày 21/11/2014, thời hạn 6 tháng tính từ ngày 28/11/2014 đến hết ngày 27/05/2014. Lãi suất 8,5% một năm, trả lãi 3 tháng 1 lần.
7	Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB – CN Hải Phòng	19.987.500.000	-	
8	Vay dài hạn đến hạn trả	851.000.000	336.000.000	
	Vay và nợ dài hạn	589.000.000	120.253.000.000	

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Lãi suất
1	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Hải Phòng	589.000.000	253.000.000	Lãi suất được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng
2	Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	120.000.000.000	Lãi suất 8% một năm, trả lãi 3 tháng một lần, thời hạn từ 27/11/2014 đến hết ngày 26/05/2016
Tổng cộng		184.430.582.385	364.289.693.551	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- *Các khoản phải thu*

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Các khoản phải thu ngắn hạn		220.485.502.157	668.375.041.760	764.977.976.938
1	Phải thu khách hàng	127.127.585.885	629.942.367.937	654.192.621.928
2	Trả trước cho người bán	88.774.118.678	20.018.926.482	35.334.786.032
4	Các khoản phải thu khác	7.503.239.094	23.457.630.691	79.844.452.328
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.919.441.500)	(5.043.883.350)	(4.393.883.350)
Tổng cộng		220.485.502.157	668.375.041.760	764.977.976.938

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2015 của Công ty.

- Các khoản phải trả

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Nợ ngắn hạn		338.777.450.846	1.021.832.712.990	1.247.153.222.784
1	Vay và nợ ngắn hạn	183.841.582.385	244.036.693.551	326.990.793.543
2	Phải trả người bán	118.799.629.514	758.675.091.828	723.120.384.653
3	Người mua trả tiền trước	12.213.295.120	13.874.500	172.473.450.405
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	8.755.812.058	15.391.422.069	8.472.016.264
5	Phải trả người lao động	-	620.000.000	-
6	Chi phí phải trả	-	3.006.867.756	132.977.778
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.167.131.769	88.763.286	15.963.600.141
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
Nợ dài hạn		589.000.000	120.253.000.000	128.938.680.000
1	Vay và nợ dài hạn	589.000.000	120.253.000.000	128.938.680.000
Tổng cộng		339.366.450.846	1.142.085.712.990	1.376.091.902.784

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2015 của Công ty

❖ **Giao dịch với các bên có liên quan**

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán, Công ty có những giao dịch với các bên có liên quan như sau:

- Công ty mua đất đầu tư dự án từ ông Nguyễn Thanh Bình (chồng Chủ tịch HĐQT) với giá trị giao dịch là 60.937.500.000 đồng. Phần đất này gồm các lô đất cụ thể như sau:
 - + 05 lô đất tại thôn Nậm Chủ, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Giá trị chuyển nhượng là 24.937.500.000 đồng. Mục đích sử dụng là xây dựng kho ngoại quan tại địa bàn tỉnh Lào Cai.
 - + 01 lô đất tại khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng có giá trị chuyển nhượng là 36.000.000.000 đồng theo hợp đồng kinh tế đã được

công chứng. Mục đích sử dụng: làm trụ sở chính của Công ty. Trụ sở văn phòng đi vào hoạt động ngày 01 tháng 05 năm 2013.

- Công ty mua đất đầu tư dự án từ bà Nguyễn Thị Thanh Hương (Chủ tịch HĐQT) với giá trị là 25.146.000.000 đồng. 02 lô đất này có vị trí tại Khu nhà ở Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội. Việc mua bán này đã có hợp đồng kinh tế được công chứng. Phần đất này được sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho nội địa tại địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.
- Trả nợ năm trước cho bà Nguyễn Thị Thanh Hương (Chủ tịch HĐQT) với giá trị giao dịch là 10.636.000.000 đồng. Đây là phần bù trừ số dư cuối kỳ giữa phần phải thu và phải trả:
 - + Phải thu: 4.364.000.000 đồng: Khoản bồi thường khu đất tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
 - + Phải trả: 15.000.000.000 đồng: Khoản tiền vay cá nhân Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.
- Giao dịch mua bán với Cty CP DAP-VINACHEM:
 - + Giao dịch bán hàng với Cty CP DAP-VINACHEM 374.917.975.567 đồng, bao gồm những hợp đồng mua hàng cụ thể sau:
 - Ure: 01 hợp đồng 9.950 tấn, giá trị: 76.266.750 đồng
 - Axit Sunfuric: 03 hợp đồng, thời gian thực hiện từ 31/03/2014 đến 31/12/2014
Khối lượng: 39.527,415 tấn, giá trị: 51.520.626.553 đồng
 - Lưu huỳnh: 04 hợp đồng, thời gian thực hiện từ 04/03/2014 đến 31/12/2014
Khối lượng: 80.491,264 tấn, giá trị: 323.321.082.264 đồng
 - + Giao dịch mua hàng với Cty CP DAP-VINACHEM 775.714.621.044 đồng, bao gồm những hợp đồng mua hàng cụ thể sau:
 - Mua GYPSUM, 02 hợp đồng, thời gian thực hiện 31/10/2013 đến 31/12/2014
Khối lượng: 605,06 tấn, giá trị: 3.327.740 đồng
 - Mua DAP Đình Vũ: 05HĐNT, thời gian thực hiện 25/12/2013 đến 31/12/2014
Khối lượng: 116.327,89 tấn, giá trị: 775.711.293.304 đồng

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,08	0,99	1,02
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,77	0,77	0,81
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	79,13	73,20	74,84
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	379,27	273,29	297,72
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	11,57	15,07	6,08
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	4,52	1,70	0,87
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,10	2,43	2,76
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,86	15,42	9,59
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,98	4,13	2,41
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,33	3,18	3,40
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	3.812	2.013	1.385

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2015 của Công ty

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2014 giảm so với năm 2013. Khả năng thanh toán giảm do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2014 tăng gấp hơn 2,2 lần hàng tồn kho năm 2013.

Cơ cấu vốn

Năm 2013 và năm 2014, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực kinh doanh thương mại

nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng lên và vòng quay tổng tài sản năm 2014 giảm so với năm 2013, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2014 nhìn chung đều khả quan so với năm 2013, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận/doanh thu.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Bảng 19: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT	1977	031177000067
Nguyễn Văn Khoái	Thành viên HĐQT	1951	030112013
Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT	1984	031231276
Bùi Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	1967	030739837
Phạm Sĩ Thạc	Thành viên HĐQT	1984	031316637

13.1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 12/02/1977
 Nơi sinh: Phù Liễn, Kiên An, Hải Phòng
 CMND: 031177000067
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1999 ÷ 2006	Nhân viên Kinh doanh – Công ty CP XNK Hào Mỹ
2007 ÷ 30/03/2014	Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình
01/04/2014 ÷ đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP XNK Quảng Bình

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Số cổ phần nắm giữ tại 13/3/2015

4.200.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

4.200.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phần tại 13/3/2015

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Ông Nguyễn Văn Khoái</i> <i>Mối quan hệ: Bố</i>	<i>1.000.000 cổ phần (tương ứng 3,13% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Trần Thị Mỹ</i> <i>Mối quan hệ: Mẹ</i>	<i>500.000 cổ phần (tương ứng 1,56% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Thanh Bình</i> <i>Mối quan hệ: Chồng</i>	<i>3.200.000 cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Văn Phương</i> <i>Mối quan hệ: Em trai</i>	<i>500.000 cổ phần (tương ứng 1,56% vốn điều lệ)</i>

<i>Bà Nguyễn Thị Thu Hằng</i> <i>Mối quan hệ: Em gái</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Anh Huy</i> <i>Mối quan hệ: Em trai</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.1.2. Ông Nguyễn Văn Khoái – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/03/1951

Nơi sinh: Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng

CMND: 030112013

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 93 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1972 ÷ 1986	Bộ đội
1986 ÷ 2002	Kinh doanh tự do
Từ 2003 – 04/2014	Nhân viên tài chính tại Công ty CP XNK Hào Mỹ
Từ 04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: **Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Quảng Bình**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại *Không*
các tổ chức khác:

Số cổ phần nắm giữ tại 13/3/2015 *1.000.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *1.000.000 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ
cổ phiếu tại 13/3/2015

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Bà Nguyễn Thị Thanh Hương</i> <i>Mối quan hệ: Con</i>	<i>4.200.000 cổ phần (tương ứng 13,125% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Trần Thị Mỹ</i> <i>Mối quan hệ: Vợ</i>	<i>500.000 cổ phần (tương ứng 1,56% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Văn Phương</i> <i>Mối quan hệ: Con trai</i>	<i>500.000 cổ phần (tương ứng 1,56% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Thu Hằng</i> <i>Mối quan hệ: Con gái</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Anh Huy</i> <i>Mối quan hệ: Con trai</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.1.3. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/12/1984

Nơi sinh: Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
 CMND: 031231276
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Kiều Sơn, Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ và Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ năm 2009 đến tháng 4/2014	Giám đốc Kinh doanh Công ty CP XNK Quảng Bình
Từ tháng 4/2014 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty CP XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty CP XNK Quảng Bình***

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: *không*

Số cổ phần nắm giữ tại 13/3/2015 *15.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *15.000 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu tại 13/3/2015:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Bà Vũ Thị Quỳnh Trang</i> <i>Mối quan hệ: Vợ</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Mạnh Tùng</i> <i>Mối quan hệ: Em trai</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.1.4. Bà Bùi Thị Ngọc – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 10/04/1967
 Nơi sinh: Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
 CMND: 030739837
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Đường Dur Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
03/1986 ÷ 12/2007	Nhân viên Công ty CP XNK Súc sản Gia Cầm
12/2007 ÷ 03/2011	Kế toán trưởng Công ty CP XNK Súc sản Gia cầm
03/2011 ÷ 03/2012	Kế toán nội bộ Công ty CP XNK Khoáng sản Miền Trung
Từ 04/2012 – 04/2014	Kế toán trưởng tại Công ty CP XNK Quảng Bình
Từ 04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại Công ty CP XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại CTCP XNK Quảng Bình***

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại: Không có

các tổ chức khác:

Số cổ phiếu nắm giữ tại 31/3/2015 13.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 13.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ
cổ phiếu tại ngày 13/3/2015

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
Ông Trần Minh Thịnh Mối quan hệ: Chồng	2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)
Bà Phi Thị Bích Mối quan hệ: Mẹ	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)
Ông Bùi Văn Minh Mối quan hệ: Anh trai	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Phúc Thành Mối quan hệ: Con trai	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.1.5. Ông Phạm Sĩ Thạc – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/06/1984

Nơi sinh: Quang Phục, Tiên Lãng, Hải Phòng

CMND: 031316637

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Hy Tái - Hồng Thái - An Dương - Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân văn hoá du lịch
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
02/2011 ÷ 03/2014	Chuyên viên xuất nhập khẩu Công ty CP XNK Quảng Bình
04/2014 ÷ 02/2015	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng XNK tại Công Ty CP XNK Quảng Bình
Từ 02/2015 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc Kinh doanh tại Công Ty CP XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám Đốc Kinh doanh tại CTCP XNK Quảng Bình***

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu nắm giữ tại 13/3/2015 *13.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *13.000 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu tại 13/3/2015:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Bà Lương Thị Thu</i> <i>Mối quan hệ: Vợ</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.2. Ban Kiểm soát

Bảng 20: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	1986	031328496
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban kiểm soát	1981	031198265
3	Vũ Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	1986	031465150

13.2.1. Bà Đặng Thị Phương Thảo – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 25/11/1986
 Nơi sinh: Phúc Am, Gia Khánh, Ninh Bình
 CMND: 031328496
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 4/412 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2007 đến 2008	Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ
2008 - 1/2012	Nhân viên Kinh doanh tại CTCP XNK Quảng Bình

01/2012 – 02/2014	Kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
02/2014 đến nay	Trưởng ban kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: **Nhân viên Kinh doanh kiêm Trưởng Ban Kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương

Số cổ phiếu nắm giữ tại 13/3/2015 3.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu tại 13/3/2015:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Ông Bùi Sỹ Mạnh</i> <i>Mối quan hệ: Chồng</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)</i>

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2.2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang – Thành viên BKS

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/08/1981

Nơi sinh: Hải Lý, Hải Hậu, Nam Định

CMND: 031198265

Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2003 ÷ 2006	Giáo viên tiếng Anh tại Trường THCS Tân Dương
2006 ÷ 2011	Phiên dịch tiếng Anh tại Công ty CP CN Tàu thủy An Đồng
2011 ÷ 04/2014	Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Kế toán xuất nhập khẩu tại Công ty CP XNK Quảng Bình
Từ 04/2014 đến nay	Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Thành viên ban kiểm soát tại Công ty CP XNK Quảng Bình

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Thành viên Ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Xuất nhập khẩu tại CTCP XNK Quảng Bình***

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại 13/3/2015: *5.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *5.000 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu tại 13/3/2015:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
Ông Nguyễn Chí Long Mối quan hệ: Anh Trai	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Trí Hải Mối quan hệ: Em trai	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.2.3. Bà Vũ Hồng Nhung – Thành viên BKS

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 15/07/1986

Nơi sinh: Quảng Ninh

CMND: 0314465150

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Chẽ, phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
04/2010 ÷ 10/2012	Thư ký dự án Công ty TNHH Tư vấn quốc tế RaymondWoo & Henry Sng
10/2012 ÷ 10/2014	Nhân viên Hành Chính kiêm thành viên Ban kiểm soát và người công bố thông tin tại CTCP XNK Quảng Bình

Từ 10/2014 đến nay	Phó phòng Hành chính kiêm thành viên Ban kiểm soát và người công bố thông tin tại CTCP XNK Quảng Bình
--------------------	---

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành **Phó Phòng Hành Chính kiêm Thành viên Ban kiểm soát và người công bố thông tin tại CTCP XNK Quảng Bình**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại 13/3/2015 1.500 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 1.500 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu tại 13/3/2015:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
Ông Kiều Quý Đức Mối quan hệ: Chồng	2.000 cổ phần (tương ứng 0,006% vốn điều lệ)
Bà Tạ Thị Lý Mối quan hệ: Mẹ	200 cổ phần (tương ứng 0,0006% vốn điều lệ)
Ông Vũ Hải Ninh Mối quan hệ: Em trai	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 21: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng giám đốc	1977	031177000067

13.3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Tổng Giám đốc (như trên)

13.4. Kế toán trưởng

13.4.1. Bà Bùi Thị Ngọc – Kế toán trưởng (như trên)

14. Tài sản

Bảng 22 : Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2013

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu	31.705.943.863	3.798.244.203	27.907.699.660
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	20.091.488.696	660.197.961	19.431.290.735
2	Máy móc, thiết bị	436.405.773	66.655.806	369.749.967
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.856.468.363	2.944.378.295	6.912.090.068
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.321.581.031	127.012.141	1.194.568.890
Tổng cộng		31.705.943.863	3.798.244.203	27.907.699.660

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của Công ty

Bảng 23: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2014

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	65.901.413.580	3.517.985.508	62.383.428.072
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	56.027.195.031	2.587.419.658	53.439.775.373
2	Máy móc, thiết bị	555.285.773	161.719.093	393.566.680
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.927.307.273	498.983.305	7.428.323.968
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.391.625.503	269.863.452	1.121.762.051
Tổng cộng		65.901.413.580	3.517.985.508	62.383.428.072

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Bảng 24: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2015

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	72.251.283.785	6.464.252.394	65.787.031.391
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	62.237.269.691	4.859.708.464	57.377.561.227
2	Máy móc, thiết bị	555.285.773	312.060.163	243.225.610
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.927.307.273	921.882.751	7.005.424.522
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.531.421.048	370.601.016	1.160.820.032
Tổng cộng		72.251.283.785	6.464.252.394	65.787.031.391

Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2015 của Công ty

15. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo

Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	% tăng giảm so với 2014
1	Vốn chủ sở hữu (nghìn đồng)	417.898.960	753.898.960	80,4%
2	Doanh thu thuần (nghìn đồng)	2.655.043.392	2.800.000.000	5,46%
3	Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	64.419.303	80.000.000	24,19%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2,43%	2,86%	0,43%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%)	15,42%	10,39%	-5,03%
6	Cổ tức (%)	20%	15%	-5%

15.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Kế hoạch của Công ty được xây dựng dựa trên tình hình hoạt động và triển khai các hợp đồng đang thực hiện, sẽ thực hiện và tiềm năng phát triển ngành trong tương lai, cụ thể như sau:

Bảng 26: Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015*DVT: Triệu VNĐ*

TT	Hoạt động	Giá trị ghi nhận doanh thu – lợi nhuận			
		Năm 2014		Dự kiến năm 2015	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
1	Mảng Phân bón	1.911.669	46.382	2.100.000	60.000
2	Mảng Hóa chất	584.121	14.172	560.000	16.000
3	Các hoạt động khác	159.306	3.865	140.000	4.000
Tổng cộng		2.655.096	64.419	2.800.000	80.000

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty khá quan với doanh thu 6 tháng đầu năm là 1.607 tỷ đồng đạt 57,39% kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm là 44,32 tỷ đồng đạt 55,40% kế hoạch năm. Kế hoạch lợi nhuận các quý còn lại được Công ty dự kiến phân bổ như sau:

STT	Luỹ kế 6 tháng đầu năm 2015	Dự kiến Quý 3/2015	Dự kiến Quý 4/2015	Tổng
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	44,32	18,39	17,29	80 tỷ

15.2. Các biện pháp đạt được kế hoạch nêu trên

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2015, Ban Lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp như sau:

- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của dây chuyền sản xuất phân bón hiện tại của Nhà máy NPK;
- Tiếp tục mở rộng nhà máy NPK, xây dựng dây chuyền sản xuất lân tại Thủy Nguyên – Hải Phòng;
- Duy trì nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định, nâng cao khả năng cạnh tranh về giá cũng như giảm thiểu rủi ro khi có biến động trên thị trường.
- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong nước cũng như quốc tế của Công ty. Một mặt, nhằm giữ vững uy tín, duy trì thị phần lớn về phân phối Phân đạm và Hóa

chất của Công ty. Mặt khác, mở rộng quy mô, kết hợp với các lĩnh vực và hoạt động bổ trợ liên quan nhằm tạo nên giá trị gia tăng trong chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời nâng cao tỷ suất lợi nhuận của Công ty. Dự kiến cuối năm 2015, Công ty sẽ mở 5 cửa hàng miễn thuế tại: Chalo (Quảng Bình), Tả Lũng (Cao Bằng), Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn và 1 kho ngoại quan tại Lào Cai.

Với nhiều hợp đồng giá trị lớn đang và sắp thực hiện, cơ hội lớn từ triển vọng phát triển của ngành, cùng định hướng và quyết tâm của Ban lãnh đạo, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả năng đạt được kế hoạch năm 2015 đã đề ra.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH**1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông**2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu**3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành****3.1. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:** 32.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 27.200.000 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014: 4.800.000 cổ phiếu

3.2. Đối tượng phát hành:

- Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

Hội đồng Quản trị Công ty ước giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2014 để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Tổng tài sản tại 31/12/2014 (đồng)	1.560.264.172.452
2	Nợ phải trả tại 31/12/2014 (đồng)	1.142.085.712.990
3	Tài sản vô hình tại 31/12/2014 (đồng)	-
4	Số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	32.000.000
5	Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại 31/12/2014(đồng/cổ phần) {5= (1-2-3)/4}	13.068

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán của Công ty

- Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời, để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu bằng 76,52% giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, tương đương với 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014: 13.068 đồng/cổ phiếu.
- Giá thị trường trung bình 40 phiên gần nhất tính đến thời điểm 01/06/2015 là 10.940 đồng/cổ phiếu.
- Mức độ pha loãng cổ phần dự kiến:
Giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = [PR_{t-1} + (I1 \times PR1) + (I2 \times PR2)] / (1+I1+I2) = [13.000 + (0,85 \times 10.000) + (0,15 \times 0)] / (1+0,85+0,15) = 10.750 \text{ đồng/cp}$$

Trong đó:

P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

PR_{t-1} : 13.000 đồng/cổ phiếu (Giá giả định của QBS tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền).

$I1$: là tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu ($I1 = 0,85$)

$PR1$: 10.000 đồng/cổ phiếu (giá chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).

$I2$: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức ($I2 = 0,15$).

$PR2$: 0 đồng/cổ phiếu (giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu).

6. Phương thức phân phối

❖ Chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Phân phối cho cổ đông hiện hữu 27.200.000 cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 100:85, cụ thể như sau:

- Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, 100 quyền mua sẽ được mua 85 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(584:100) \times 85 = 496,4$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới là 496 cổ phiếu.

- Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán - thành viên lưu ký của VSD.

- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
 - Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định trong thông báo phát hành gửi đến các cổ đông hiện hữu và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
 - Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.
- ❖ Phát hành 4.800.000 cổ phiếu (tương ứng với 4.800.000.000 đồng tính theo mệnh giá) để trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu:
- Đối tượng được nhận cổ tức bằng cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:15 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 15%) (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 100 quyền nhận sẽ được nhận 15 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ)
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(584:100) \times 15 = 87,6$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 87 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,6 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.
 - Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
 - Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và là cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ tiền mua và không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Nguồn vốn thực hiện: Số tiền dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu là 48 tỷ đồng được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 trên BCTC hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (số liệu nguồn này tại BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 là: 97.898.960.613 đồng).

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

❖ Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+14
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+18 đến D+24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+25 đến D+45
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+53
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+54 đến D+64
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+65
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	D+67

12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+67
----	---	------

❖ **Đối với cổ phiếu phát hành trả cổ tức:** Dự kiến thực hiện ngay sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu QBS ra công chúng, thực hiện đồng thời cùng với danh sách cổ đông được chốt để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
 - Số tài khoản: 1483201010418
 - Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Thủ đô, Hà Nội

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư của đợt chào bán (nếu có):

- Đối với cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
- Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu còn dư do các cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định chào bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công

ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ “tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng”. Như vậy, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty.

11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người thứ ba.

Đối với cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu: quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

12. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11221000040 do Ban quản lý Khu kinh tế - UBND tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2013, dự án kho ngoại quan tại Cao Bằng của Công ty được hưởng một số ưu đãi về thuế như sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động;
- Được miễn thuế 02 năm và giảm 50% thuế cho 04 năm tiếp theo;
- Được miễn thuế nhập khẩu hàng hóa để tạo tài sản cố định của dự án.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- Số tài khoản: 1483201010418
- Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN Thủ đô, Hà Nội

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2015, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tiến hành đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa nguồn vốn góp phần mang lại lợi nhuận cho Công ty, gia tăng giá trị và khối lượng cổ phiếu cho các cổ đông, giảm thiểu rủi ro tài chính trong việc sử dụng vốn vay.

2. Phương án khả thi

2.1. Thông tin dự án:

- Tên dự án: Nhà máy ĐTXD cơ sở đóng gói kinh doanh phân bón, kho bãi (Nhà máy NPK)
- Chủ đầu tư và đơn vị lập dự án: Công ty cổ phần XNK Quảng Bình
- Địa điểm đầu tư: Xóm 6, Cống chanh, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Diện tích Nhà máy: 5ha.
- Sản phẩm dự án: Phân bón NPK.
- Nguồn nguyên liệu chính sản xuất phân bón NPK: Đạm, lân, DAP, Kali, SA, chất phụ gia.
- Hình thức quản lý: chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thông qua ban quản lý dự án do chủ đầu tư thành lập

2.2. Mục đích của dự án:

- Sản xuất phân bón NPK, phân lân chuyên dùng cho các loại cây trồng phù hợp với các điều kiện tự nhiên khác nhau; cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu sang thị trường Lào, Campuchia, Myanma, Indonesia, Malyasia, Hàn Quốc...
- Dự án hoàn thiện giúp chủ đầu tư chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, đầu ra cũng như giá thành sản phẩm sẽ đem lại lợi nhuận cho công ty.
- Ngày càng thu hút và tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho lực lượng lao động địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo.
- Góp phần hỗ trợ nông dân thâm canh tăng năng suất, mở rộng khai thác hết tiềm năng đất đai hiện có; đồng thời đưa các thành tựu mới, các tiến bộ kỹ thuật vào ứng dụng trong sản xuất.
- Đóng góp nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và chính quyền sở tại.

2.3. Cơ sở lý luận và thực tiễn:

❖ Sự phù hợp của dự án đối với chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

Theo quy hoạch từ 2010-2020, Việt Nam phải xây dựng hệ thống sản xuất và phân phối phân bón về đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước. Bên cạnh đó việc sản xuất phải gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm xây dựng một nền nông nghiệp lớn, sản xuất bền vững, đảm bảo an ninh lương thực. Đồng thời khuyến khích các thành phần tham gia sản xuất, góp phần đa dạng hóa các loại hình kinh doanh.

Mục tiêu từ nay tới năm 2020 phải xây dựng hệ thống sản xuất phân bón với công nghệ hiện đại, quy mô lớn và hệ thống phân phối an toàn, hiệu quả nhằm cung ứng đủ về số lượng và chủng loại phân bón với chất lượng tốt phục vụ nhu cầu trong nước đảm bảo an ninh lương thực.

Hải Phòng là thành phố cảng lớn nhất Miền Bắc, trung tâm kinh tế văn hóa của vùng Duyên hải Bắc Bộ, đô thị loại I trực thuộc Trung ương quản lý. Hiện nay nguyên liệu đầu vào của các Nhà máy ĐTXD cơ sở đóng gói kinh doanh phân bón, kho bãi trong cả nước nhập khẩu rất nhiều qua cảng Hải Phòng. Hiện tại Hải Phòng mới chỉ có nhà máy DAP Đình Vũ cung cấp sản phẩm DAP cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Việc có thêm 1 nhà máy NPK Đình Vũ tại Hải Phòng nhằm tăng ngân sách cho địa phương, tạo công ăn việc làm cho một bộ phận người lao động, góp phần bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn hoạt động.

Với vị trí địa lý thuận lợi và có kinh nghiệm lâu năm trong ngành xuất nhập khẩu phân bón, nhà máy sản xuất phân bón NPK Đình Vũ hoàn toàn có thể chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào từ Urea, DAP, MAP, SA, Kali, Caolin... sẵn sàng để sản xuất NPK trong mọi thời điểm.

❖ Thị trường cung cầu ngành phân bón NPK.

Thực trạng ngành phân bón hiện nay:

Nông nghiệp là ngành rất quan trọng đối với Việt Nam, đất nước mà 70% dân số sống bằng nghề nông và diện tích đất nông nghiệp là 9,3tr ha (chiếm xấp xỉ 28% diện tích cả nước). Vì vậy nhu cầu phân phân bón cho nông nghiệp là rất lớn.

Theo số liệu từ bộ NN&PTNT, năm 2014 nhu cầu phân bón các loại của cả nước khoảng 11 triệu tấn, tăng hơn mức 10,3 triệu tấn năm 2013. Trong đó nhu cầu phân UREA là 2,2 triệu tấn, phân DAP là 980000 tấn, phân NPK 4 triệu tấn, ngoài ra còn có khoảng 700-800.000 tấn phân bón các loại vi sinh, bón lá... Thống kê từ năm 2011 đến nay cho thấy nhu cầu phân bón các loại luôn tăng đều qua các năm, năm

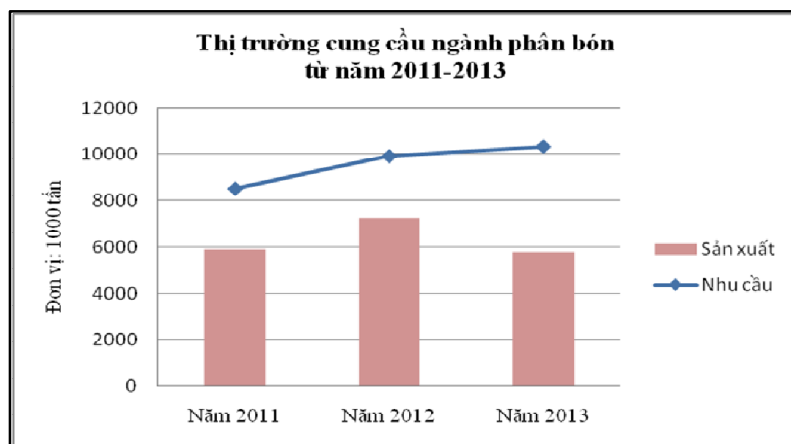
sau cao hơn năm trước. Để đánh giá nhu cầu thị trường cung cầu ngành phân bón qua các năm ta có bảng thống kê sau:

Bảng 27: Tình hình thị trường cung – cầu phân bón qua các năm.

(Đơn vị: 1.000 tấn)

STT	Cung – cầu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Nhu cầu thực tế	8.500	9.880	10.300	11.000
1	Urea	1.540	2000	2000	2200
2	SA	700	710	850	910
3	Kali	810	920	950	980
4	DAP	900	950	950	980
5	NPK	2.900	3.500	3.700	4.000
6	Các loại phân khác	1650	1.800	1.850	1.940
II	Thực tế sản xuất	5.900	7.250	5.770	

Tình hình sản xuất cung – cầu phân bón giai đoạn 2011-2013 thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ trên cho thấy, mặc dù nhu cầu sử dụng phân bón các loại luôn tăng cao nhưng khả năng sản xuất trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, năm 2011 chỉ đáp ứng được 69.4%, đến năm 2013 chỉ đáp ứng được 56% và đến nay cũng như trong thời gian tới nhu cầu về phân bón vẫn không đáp ứng đủ phải nhập khẩu và

theo cục Trồng trọt nha cầu nhập khẩu chỉ có thể chấm dứt vào năm 2020 khi các nhà máy trong nước sản xuất đủ lượng phân bón phục vụ nhu cầu trong nước.

Một số Nhà máy Phân bón NPK lớn ở phía Bắc :

- Phân bón Lâm Thao – Phú Thọ công suất 900.000 tấn/năm
- Phân lân Văn Điển – Hà Nội công suất 135.000 tấn/năm
- Phân lân Ninh Bình – Ninh Bình công suất 82.000 tấn/năm
- Phân bón Tiên Nông – Thanh Hoá công suất 80.000 tấn/năm
- Phân bón Hữu Nghị - Thanh Hoá công suất 50.000 tấn/năm

Thị trường phân bón NPK ở khu vực Đồng bằng Nam sông Hồng :

Bảng 28: Thị trường phân bón NPK ở khu vực Đồng bằng Nam sông Hồng

Địa bàn	Nhu cầu NPK (tấn/ năm)	Tổng công suất (tấn/ năm)	Số lượng N/M
Tại Hà Nội	97.000	230.000	04
Tại Nam Định	70.000	0	0
Tại Hà Nam	32.000	60.000	01
Tại Ninh Bình	35.000	117.000	03
Tại Thanh Hoá	189.000	330.000	13

Thị phần mục tiêu đối với khu vực Đồng bằng Nam sông Hồng :

- Nhu cầu NPK : 500.000 tấn/năm.
- Mục tiêu : chiếm 20% thị trường NPK khu vực (tương đương 100.000 tấn/năm).

Hiện nay nhu cầu các tỉnh Nam Định, Thái Bình và Hà Nam đạt khoảng 180.000 tấn/năm; Khả năng sản xuất khoảng 160.000 tấn/năm, chủ yếu loại phân bón NPK 3 hạt.

Thị trường mục tiêu đến năm 2015 :

- 60% thị phần phân bón NPK tại Nam Định khoảng 48.000 tấn/năm
- 30% thị phần phân bón NPK tại Thái Bình khoảng 27.000 tấn/năm
- 30% thị phần phân bón NPK tại Hà Nam khoảng 11.000 tấn/năm
- Khoảng 15.000 tấn còn lại cung cấp cho các tỉnh trong khu vực

Nhu cầu tiêu thụ NPK loại 1 hạt ở ba tỉnh Nam Định, Thái Bình và Hà Nam trung bình đạt khoảng 58% nhu cầu phân bón NPK các loại .

Lượng NPK 5 – 10 – 3 chiếm tỷ lệ khoảng 75% - 80% nhu cầu tiêu thụ phân bón NPK 1 hạt và khoảng 40% - 50% nhu cầu phân bón NPK các loại

❖ **Kết luận về sự cần thiết đầu tư.**

Trong những năm gần đây, đảm bảo an ninh lương thực đang là nhu cầu cấp thiết của mỗi quốc gia, vì vậy nhu cầu sử dụng phân bón ngày càng gia tăng. Hải Phòng là cửa ngõ giao thương vùng kinh tế Bắc Bộ, là thành phố cảng, trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Duyên Hải Bắc Bộ rất cần thiết có một Nhà máy ĐTXD cơ sở đóng gói kinh doanh phân bón, kho bãi để phục vụ nhu cầu trong nước tiến tới xuất khẩu ra thị trường thế giới. Chủ trương nhất quán của Thành phố Hải Phòng là ưu tiên phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, do đó Nhà máy ĐTXD cơ sở đóng gói kinh doanh phân bón, kho bãi cũng sẽ có những phương án bảo vệ môi trường một cách tối ưu nhất. Bên cạnh đó khi Nhà máy ĐTXD cơ sở đóng gói kinh doanh phân bón, kho bãi nâng công suất tăng lên cơ bản sẽ giải quyết việc làm cho một lực lượng lớn lao động địa phương giúp ổn định tình hình chính trị, kinh tế tại địa phương.

2.4. Kế hoạch triển khai

- Khảo sát thiết kế: 20/08 – 15/09/2012.
- Thi công xây lắp: 12/2012 – 08/2013.
- Vận hành chạy thử: 09/2013

2.5. Đối tác của Công ty:

Đối tác trong nước:

Công ty có quan hệ sâu rộng với phần lớn các tập đoàn và công ty trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, vật tư nông nghiệp. Hiện nay Công ty là đại lý cấp I về xuất khẩu của hầu hết các nhà sản xuất phân bón lớn của Tập đoàn hóa chất Việt Nam (VINACHEM), đồng thời là đối tác chiến lược của: Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem), là đại lý cấp I đồng thời là cổ đông chiến lược của DAP Vinachem - DAP Đình Vũ, là đại lý cấp I của Đạm Ninh Bình, là nhà cung cấp chính của CTCP Hóa chất Phúc Lâm, Hóa chất Đức Giang, DMC Hà Nội....

Đối tác quốc tế:

Với lợi thế có ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu phân bón, Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng quốc tế với trên 25 khách hàng lớn bao gồm nhiều công ty, tập đoàn đa quốc gia

như: Daewoo International Corporation (Hàn Quốc), Mitsui & CO., Samsung C&T Singapore PTE LTD (Singapore), Sinopec Chemical commercial Holding (Hongkong), Ameropa Asia PTE LTD (Singapore), Agromate (M) SDN BHD (Malaysia), Transmart DMCC (Dubai – UAE), Helm AG – Đức, Mainland Minerals – Newzealand, Marubeni Corporation (Nhật Bản), Obetech Pacific Corporation (Thổ Nhĩ Kỳ), Heartychem Corporation (Korea)

Hệ thống đại lý tiêu thụ NPK nội địa:

Sau thời gian đưa dây truyền sản xuất NPK đình vũ vào hoạt động sản phẩm NPK 5-10-3 +(8S +TE) và 12-5-10 +(14S+TE) đã được bà con nông dân và các đại lý tin dùng do sản phẩm khẳng định được chất lượng, giá cả phải chăng, bao bì mẫu mã đẹp. Do đó hệ thống các đại lý phân phối phân bón tại các tỉnh Miền Bắc và Miền Trung từ Nghệ An chớ ra, khu vực Tây Nguyên đều mong muốn hợp tác với nhà máy ĐTXD cơ sở đóng gói kinh doanh phân bón, kho bãi phân phối sản phẩm NPK Đình Vũ. Đây là tín hiệu mừng cũng như là áp lực để Công ty CPXNK Quảng Bình đầu tư nâng cấp dây truyền sản xuất NPK tăng lên trong thời gian tới.

Bảng 29: Số lượng đại lý nội địa phân phối NPK Đình Vũ.

STT	Địa bàn	Số đại lý
1	Hải Phòng	01
2	Hải Dương	01
3	Thái Bình	04
4	Nam Định	03
5	Ninh Bình	01
6	Hà Nam	01
7	Thanh Hóa	01
8	Nghệ An	02
9	Hà Tĩnh	01
10	Bắc Giang	01
11	Vĩnh Phúc	02
12	Tây Bắc	01
13	Quảng Ninh	01
14	Tây Nguyên	01
Tổng số		22

Hiện nay có rất nhiều khách hàng và đại lý tại các địa bàn Miền Bắc mong muốn hợp tác làm nhà phân phối NPK Đình Vũ, vì vậy hệ thống đại lý nội địa của công ty ngày càng mở rộng. Bên cạnh đó với việc định hướng sản xuất NPK hàm lượng cao, đủ điều kiện xuất khẩu Công ty tự tin mở rộng hệ thống đại lý tại nước ngoài

2.6. Các vấn đề về tài chính:

- Hiệu quả của dự án:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị	Ghi chú
1	Doanh thu hàng năm	đồng	495.000.000.000	Trung bình
2	Tổng chi phí hàng năm	đồng	471.864.195.000	Trung bình
3	Giá bán (chưa bao gồm VAT)	đồng/tấn	11.000.000	
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	23.135.805.000	Trung bình
5	Thuế VAT phải nộp	đồng	49.500.000.000	Trung bình
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	5.783.951.250	Trung bình
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	17.351.853.150	Trung bình
8	IRR sau thuế	%	21.71	
9	NPV – sau thuế	đồng	11.630.869.174	i=12.6%
10	Thời gian hoàn vốn	năm	3	Kể từ ngày đi vào vận hành
11	Điểm hòa vốn - BEP	%	35	Năm thứ hai

- Tổng mức đầu tư

STT	Nội dung	Tổng cộng (đồng)
1	Đầu tư vào TSCĐ	100.000.000.000
1.1	Dây chuyền NPK và máy móc thiết bị khác	43.356.207.192

1.2	Phương tiện vận tải	5.451.315.059
1.3	Nhà cửa, văn phòng	49.881.590.740
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.310.887.009
2	Vốn lưu động phục vụ sản xuất	100.000.000.000
3	Tổng mức đầu tư	200.000.000.000

2.7. Tiến độ thực tế của dự án

Nhà máy NPK được đặt tại xóm 6, thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích khoảng 5ha. Theo dự án xây dựng nhà máy thì tổng mức đầu tư dự kiến là 200 tỷ đồng, trong đó 100 tỷ đồng để đầu tư vào hệ thống tài sản cố định (dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, văn phòng, phương tiện vận tải,...) và 100 tỷ đồng để đầu tư vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất ban đầu. Tới thời điểm 30/06/2015, Công ty đã hoàn thành khoảng 70% dự án với chi tiết khối lượng công việc đã hoàn thành như sau:

- Diện tích đất đã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ Nhà máy:

Công ty đã đầu tư trên diện tích đất khoảng 35.000m² để xây dựng một số công trình sau phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy:

- + Nhà ăn của công nhân: 191m²
- + Nhà điều hành sản xuất 02 tầng: 346,5m²
- + Nhà văn phòng chủ cơ sở 02 tầng: 145m²
- + Nhà kho các thành phẩm để phối trộn: 1.496,3m²
- + Nhà xưởng phối trộn: 2.261,3m²
- + Nhà kho chứa sản phẩm đã đóng gói: 1.500m²
- + Trạm cân 100 tấn và nhà điều hành trạm cân: 128,8m²
- + Diện tích đất còn lại đã được Công ty san lấp mặt bằng và xây dựng tường bao.

- Dây chuyền sản xuất và hệ thống máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy:

Theo kế hoạch thì Công ty sẽ đầu tư 02 dây chuyền sản xuất phân bón NPK với tổng công suất khoảng 80.000 tấn/năm. Tới thời điểm 30/06/2015 Công ty đã hoàn thiện và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất phân bón NPK 1 với công suất khoảng 30.000 tấn/năm và tổng số tiền đã đầu tư là khoảng 72 tỷ đồng. Do khoản đầu tư này đang được tài trợ bởi các nguồn vốn huy động ngắn hạn, nên để giảm

bớt rủi ro thanh khoản, Công ty dự kiến sẽ sử dụng 72 tỷ đồng trong tổng số tiền 100 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán để trả các khoản nợ vay đã đầu tư vào dây chuyền NPK 1 nói trên. Số tiền còn lại 28 tỷ đồng tiếp tục được sử dụng để đầu tư thêm vào dây chuyền sản xuất phân bón NPK 2 với công suất 50.000 tấn/năm, đưa tổng công suất cả nhà máy sau khi hoàn thành lên khoảng 80.000 tấn/năm. Chi tiết các khoản mục đầu tư như sau:

STT	Nội dung đầu tư vào nhà máy NPK	Đã đầu tư đến 30/06/2015 (đồng)	Dự kiến đầu tư trong Quý IV/2015 (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Dây chuyền NPK và máy móc thiết bị khác	28.981.129.192	14.375.078.000	43.356.207.192
2	Phương tiện vận tải	2.390.730.910	3.060.584.149	5.451.315.059
3	Nhà cửa, văn phòng	39.652.130.866	10.229.459.874	49.881.590.740
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	778.014.225	532.872.784	1.310.887.009
Tổng cộng		71.802.005.193	28.197.994.807	100.000.000.000

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Nguồn vốn thực hiện đợt phát hành và chào bán cổ phiếu

Bảng 30: Chi tiết nguồn vốn thực hiện đợt phát hành và chào bán cổ phiếu

TT	Nội dung	Số cổ phiếu	Giá bán (đồng/cp)	Số tiền (tỷ đồng)	Nguồn thực hiện
1	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	27.200.000	10.000	272	Thu từ cổ đông hiện hữu
2	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014	4.800.000		48	Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 trên BCTC năm 2014 đã kiểm toán của CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Số liệu nguồn này trên BCTC năm 2014 là 97.898.960.613 đồng.
Tổng cộng		32.000.000		320	

Như vậy, số tiền Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán là 272 tỷ đồng. Đây là số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, còn số tiền 48 tỷ đồng dùng để thực hiện việc trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 trên BCTC năm 2014 đã kiểm toán của Công ty.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán là 272 tỷ đồng và số tiền trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 để trả cổ tức bằng cổ phiếu là 48 tỷ đồng (tổng cộng là 320 tỷ đồng), sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

Bảng 31: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

DVT: tỷ đồng

TT	Nội dung	Lấy từ số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu	Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014	Cộng
1	Thanh toán vốn vay đã sử dụng vào việc mua cổ phiếu của CTCP DAP - VINACHEM	50	0	50
2	Đầu tư mua bán sáp nhập các công ty phân bón hoá chất cùng ngành	50	0	50
3	Đầu tư vào Nhà máy NPK	100	0	100
4	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	72	48	120
	Tổng cộng	272	48	320

3. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

3.1. Thanh toán vốn vay đã sử dụng vào việc mua cổ phiếu của CTCP DAP – VINACHEM.

Trong năm 2014, Công ty có sử dụng vốn vay để thực hiện việc mua cổ phiếu của CTCP DAP – VINACHEM. Hiện Công ty đã trở thành cổ đông chiến lược của

CTCP DAP-VINACHEM (tiền thân là Công ty TNHH MTV DAP-VINACHEM thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, được cổ phần hóa vào ngày 26/12/2014). Công ty sở hữu : 21.916.485 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ. Công ty có sử dụng một phần nguồn vốn vay để đầu tư vào số cổ phiếu này. Công ty dự kiến ngay sau khi thu được số tiền từ đợt chào bán sẽ sử dụng 50 tỷ để thanh toán một phần khoản vay này nhằm giảm bớt rủi ro vay nợ và giảm chi phí lãi vay.

3.2. Đầu tư mua bán sáp nhập các công ty phân bón hoá chất cùng ngành.

Thực hiện theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, sau khi xem xét, đàm phán và phân tích kỹ các công ty phân bón hóa chất cùng ngành, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy đối tác DAP-VINACHEM vẫn là đối tác chiến lược uy tín, đã và đang có sự hỗ trợ rất tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, HĐQT Công ty quyết định tiếp tục đầu tư 50 tỷ đồng mua thêm cổ phần của CTCP DAP-VINACHEM nhằm tăng tỷ lệ sở hữu, tăng sự hợp tác chiến lược giữa hai bên. HĐQT Công ty đã tiến hành ký biên bản ghi nhớ về việc nhận chuyển nhượng cổ phần CTCP DAP-VINACHEM với các nội dung như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến nhận chuyển nhượng: 4.000.000 cổ phần (Bốn triệu cổ phần)
- Giá chuyển nhượng dự kiến: 12.500 đồng/cổ phần (Mười hai nghìn năm trăm đồng một cổ phần)
- Tổng giá trị chuyển nhượng dự kiến: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Tiến độ thực hiện dự kiến: Quý III/2015 – Quý IV/2015.

3.3. Đầu tư vào Nhà máy NPK

Theo dự án xây dựng nhà máy, Công ty sẽ đầu tư 100 tỷ đồng vào TSCĐ (dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa văn phòng, thiết bị dụng cụ quản lý,...). Đến thời điểm kết thúc ngày 30/06/2015, Công ty đã đầu tư khoảng 72 tỷ đồng để hoàn thiện và đưa vào vận hành thành công dây chuyền sản xuất phân bón NPK1 với công suất 30.000 tấn/năm. Do khoản đầu tư này đang được tài trợ bởi các nguồn vốn huy động ngắn hạn, nên để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, trong 100 tỷ đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán, Công ty sẽ sử dụng 72 tỷ đồng để trả nợ vay đã đầu tư vào nhà máy NPK. Số tiền còn lại là 28 tỷ đồng sẽ được sử dụng để tiếp tục đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất phân bón NPK2 trong Quý IV năm 2015. Chi tiết khoản mục đầu tư như sau:

STT	Nội dung đầu tư vào nhà máy NPK	Đã đầu tư đến 30/06/2015 (đồng)	Dự kiến đầu tư trong Quý IV/2015 (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Dây chuyền NPK và máy móc thiết bị khác	28.981.129.192	14.375.078.000	43.356.207.192
2	Phương tiện vận tải	2.390.730.910	3.060.584.149	5.451.315.059

STT	Nội dung đầu tư vào nhà máy NPK	Đã đầu tư đến 30/06/2015 (đồng)	Dự kiến đầu tư trong Quý IV/2015 (đồng)	Tổng cộng (đồng)
3	Nhà cửa, văn phòng	39.652.130.866	10.229.459.874	49.881.590.740
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	778.014.225	532.872.784	1.310.887.009
Tổng cộng		71.802.005.193	28.197.994.807	100.000.000.000

3.4. Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Ngoài các kế hoạch sử dụng vốn như trên, Công ty cũng có kế hoạch sử dụng 72 tỷ đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và 48 tỷ đồng trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 (tổng cộng là 120 tỷ đồng) vào việc bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT Công ty sẽ kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả và đem lại lợi ích cho Công ty và cho các cổ đông.

Chi tiết kế hoạch sử dụng số vốn trên như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (tỷ đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
I	Đầu tư mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy NPK, cụ thể:	100	Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến quý IV/2015
1	SA	20	
2	Supe	45	
3	Kali	20	
4	Quặng Apatit	10	
5	Lân tươi	05	
II	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng khác, cụ thể:	20	Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến quý IV/2015
1	DAP Đình Vũ	05	
2	Lưu huỳnh	10	
3	Axit	03	
4	Hàng khác	02	
Cộng		120	

4. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ huy động từ các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung trong kế hoạch sử dụng vốn.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 39105401 Fax: (84-8) 39105402

Website: www.vietlandaudit.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

Website: <https://ibx.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/04/2015, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tiến hành đăng ký phát hành thêm 32.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ lên 640 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa nguồn vốn, gia tăng giá trị và khối lượng cổ phiếu cho các cổ đông, giảm thiểu rủi ro tài chính trong việc sử dụng vốn vay góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Trong tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành, Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 27.200.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 100:85 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành thêm 4.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ 100:15. Giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường 40 phiên gần nhất đến ngày 10/08/2015 bình quân là 10.895 đồng/cổ phiếu. Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh năm 2014 và kế hoạch kinh doanh năm 2015 khả quan của Công ty, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

IX. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ công ty.
3. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của QBS.
4. Báo cáo tài chính mẹ và hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán của QBS.
5. Báo cáo tài chính mẹ và hợp nhất soát xét bán niên năm 2015 của QBS
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán.
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị về phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



NGHUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO

BÙI THỊ NGỌC

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB**

TỔNG GIÁM ĐỐC 



CAO THỊ HỒNG

